

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Hải Quyên**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH 1TV THAN  
NAM MẪU-VINACOMIN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Hải Quyên**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Vũ Hải Quyên

Mã SV: 1354010175

Lớp: QT1303K

Ngành: Kế Toán - Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty

TNHH 1TV Than Nam Mẫu - Vinacomin

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV than Nam Mẫu-Vinacomin

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Vũ Hải Quyên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Th.S Nguyễn Thị Mai Linh*

**Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2013**

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

### 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

\_ Hệ thống được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

\_ Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Vinacomin.

\_ Đánh giá được ưu nhược điểm của công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty trên cơ sở đó đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập.

### 2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2012.

### 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Vinacomin

## MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP .....	2
1.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp: .....	2
1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp: .....	2
1.1.2.Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền:.....	2

1.1.3. Nhiệm vụ và nguyên tắc hạch toán của vốn bằng tiền: .....	4
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp: .....	5
1.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ: .....	5
1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng. ....	11
1.2.3. Kế toán tiền đang chuyển:.....	15
1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:.....	17
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH 1TV THAN NAM MẪU-VINACOMIN ..</b>	<b>24</b>
2.1. Khái quát chung về công ty: .....	24
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Vinacomin: .....	24
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty: .....	25
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty: .....	31
2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Vinacomin: .....	35
2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ: .....	35
2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng: .....	47
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH 1TV THAN NAM MẪU-VINACOMIN .....</b>	<b>57</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Than Nam Mẫu-Vinacomin: .....	57

---

3.1.1. Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty:.....	58
3.1.2. Hạn chế trong công tác kế toán vốn bằng tiền:.....	60
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Viancomin:.....	61
3.2.1. Hoàn thiện công tác quản lý và kiểm kê tiền mặt:.....	61
3.2.2. Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty: .....	64
3.2.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:.....	72
3.2.4. Một số giải pháp khác: .....	73
<b>KẾT LUẬN</b> .....	74
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, vốn là điều kiện tiên quyết, có ý nghĩa quyết định tới các bước tiếp theo trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là một yếu tố rất quan trọng, sự vận động của vốn bằng tiền được xem là hình ảnh trung tâm của quá trình sản xuất kinh doanh. Với sự hiện diện của vốn bằng tiền tuy là bề nổi nhưng nó lại phản ánh trung thực và chính xác nhất tình hình tài chính của doanh nghiệp. Như vậy tiền là vấn đề được quan tâm hàng đầu, vấn đề sống còn của bất cứ doanh nghiệp nào.

Xuất phát từ vị trí và tầm quan trọng của công tác quản lý và hạch toán vốn bằng tiền kết hợp với việc tìm hiểu thực tế công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Vinacomin, trên cơ sở những kiến thức đã học trong nhà trường cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của giảng viên Thạc sĩ: Nguyễn Thị Mai Linh và các cô chú cán bộ phòng kế toán, em xin chọn đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Vinacomin”**.

*Nội dung khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận, gồm ba chương chính:*

**Chương 1 :** Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

**Chương 2 :** Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Vinacomin.

**Chương 3:** Một số kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Vinacomin.

Hải phòng, ngày.....tháng.....năm 2013

Sinh viên

Vũ Hải Quyên



## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

##### *1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:*

Vốn bằng tiền là cơ sở, là tiền đề đầu tiên cho một doanh nghiệp hình thành và tồn tại, là điều kiện cơ bản để doanh nghiệp hoàn thành cũng như thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Trong điều kiện hiện nay, phạm vi hoạt động của doanh nghiệp không còn bị giới hạn ở trong nước mà đã được mở rộng, tăng cường hợp tác với nhiều nước trên thế giới. Do đó, quy mô và kết cấu của vốn bằng tiền rất lớn và phức tạp, việc sử dụng và quản lý chúng có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt khác, kế toán là công cụ để điều hành quản lý các hoạt động kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ tài sản, sử dụng tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xuất phát từ vị trí và tầm quan trọng của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp, trong công tác kế toán của một doanh nghiệp không thể thiếu vị trí của kế toán vốn bằng tiền, một trong những khâu của công tác kế toán trong doanh nghiệp có mối quan hệ hữu cơ và gắn bó tạo thành một hệ thống kế toán hoàn chỉnh.

##### *1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền:*

Trong nền kinh tế hiện đại ngày nay, khi đề cập đến tiền tệ người ta không nhìn nó một cách hạn hẹp và đơn giản rằng tiền tệ chỉ là kim loại hay tiền giấy mà người ta đã xem xét tiền tệ ở một góc độ rộng lớn hơn cả các loại séc; sử dụng tiền gửi, thanh toán bằng thẻ ... nếu chúng có thể chuyển đổi dễ dàng thành tiền mặt thì cũng có thể xem là tiền.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán và thu hồi các khoản nợ. Chính vì vậy quy mô của vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi

doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của nhà nước

- Khi quản lý vốn bằng tiền phải được dựa trên nguyên tắc chế độ, thể lệ của ngân hàng ban hành.

- Nhà nước quy định ngân hàng là cơ quan duy nhất để phụ trách và quản lý tiền mặt.

- Mọi khoản thu bằng tiền mặt bất cứ từ nguồn nào đều phải nộp hết vào ngân hàng trừ trường hợp: các xí nghiệp nhỏ, các cửa hàng ăn uống công cộng, các đơn vị ở xa ngân hàng hoặc những đơn vị có doanh thu thấp.

- Các xí nghiệp tổ chức kinh tế và các cơ quan đều phải mở tài khoản tại ngân hàng để được lưu thông tiền tệ một cách dễ dàng hơn, và điều hòa được nguồn vốn trong các đơn vị.

- Mọi khoản thu chi vốn bằng tiền đều phải có chức từ gốc hợp lệ để chứng minh.

- Nghiêm cấm các đơn vị cho thuê, mượn tài khoản

- Ghi chép và theo dõi vốn bằng tiền là ngoại tệ, vàng bạc, đá quý để quản lý chi tiết từng loại.

- Kế toán phải mở sổ theo dõi chi tiết từng loại tài khoản, thường xuyên kiểm tra và đảm bảo độ chính xác giữa số liệu trên sổ sách và thực tế.

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là bộ phận tài sản lưu động làm chức năng vật ngang giá chung trong các mối quan hệ trao đổi mua bán giữa doanh nghiệp với các đơn vị cá nhân khác. Vốn bằng tiền là một loại tài sản mà doanh nghiệp nào cũng sử dụng.

Theo hình thái tài sản vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành:

- Tiền Việt Nam đồng: Đây là loại giấy bạc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành và được sử dụng làm phương tiện giao dịch chính thức đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Ngoại tệ: Đây là các loại giấy bạc không phải do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành nhưng được phép lưu hành chính thức trên thị

trường Việt Nam như các đồng: đô la Mỹ (USD), đồng bảng Anh (GBP), đồng phrăng Pháp (FFr), đồng Yên Nhật (JPY), đồng đô la Hồng Kông (HKD), ...

- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Là tiền thực chất, tuy nhiên được lưu giữ chủ yếu là vì mục tiêu an toàn hoặc một mục đích bất thường khác chứ không phải vì mục đích thanh toán trong kinh doanh.

Theo trách nhiệm quản lý tiền vốn có:

- Tiền mặt tại quỹ (TK111): Gồm giấy bạc Việt Nam; ngoại tệ; vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, hiện đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh.

- Tiền gửi ngân hàng (TK112): Là tiền Việt Nam; ngoại tệ; vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, mà doanh nghiệp đang gửi tại tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng.

- Tiền đang chuyển (TK113): Là tiền đang trong quá trình vận động để hoàn thành chức năng phương tiện thanh toán hoặc đang vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác.

### ***1.1.3. Nhiệm vụ và nguyên tắc hạch toán của vốn bằng tiền:***

#### ***1.1.3.1. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền:***

Xuất phát từ những đặc điểm trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Theo dõi tình hình thu, chi, tăng, giảm, thừa, thiếu và số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.

- Giám đốc thường xuyên tình hình thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.

- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt.

- Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời

#### ***1.1.3.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền:***

- Hạch toán kế toán phải sử dụng thống nhất một đơn vị giá trị là “ đồng Việt Nam ” để phản ánh tổng hợp các loại vốn bằng tiền.

- Nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ra “ đồng Việt Nam ” theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi sổ kế toán. Đồng thời phải theo dõi cả nguyên tệ của các loại ngoại tệ đó.

- Hạch toán vàng, bạc, kim khí quý, đá quý ở tài khoản tiền mặt phải tính ra tiền theo giá thực tế và không áp dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

- Đối với vàng bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho doanh nghiệp kinh doanh vàng bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng và trọng lượng, quy cách phẩm chất và giá trị của từng loại từng thứ. Giá nhập vào trong kỳ được tính theo giá thực tế, còn giá xuất có thể được tính theo một trong các phương pháp sau:

+ Phương pháp giá thực tế bình quân gia quyền giữa giá đầu kỳ và giá các lần nhập trong kỳ.

+ Phương pháp giá thực tế nhập trước, xuất trước

+ Phương pháp giá thực tế nhập sau, xuất trước

- Phải mở sổ chi tiết cho từng loại ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo dõi đối tượng, số lượng ... Cuối kỳ hạch toán phải điều chỉnh lại giá trị ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý theo giá vào thời điểm tính toán để có được giá trị thực tế và chính xác.

Nếu thực hiện đúng các nhiệm vụ và nguyên tắc trên thì hạch toán vốn bằng tiền sẽ giúp doanh nghiệp quản lý tốt vốn bằng tiền, chủ động trong việc thực hiện kế hoạch thu chi và sử dụng vốn có hiệu quả cao.

## **1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:**

### **1.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ:**

#### **1.2.1.1 Quy định về kế toán tiền mặt tại quỹ:**

- Chỉ phản ánh vào tài khoản quỹ tiền mặt, số tiền mặt kể cả ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc đá quý thực tế nhập xuất quỹ đối với những trường hợp khoản tiền thu được mà chuyển nộp nay vào ngân hàng thì không đi qua tài khoản tiền mặt.

- Các khoản tiền: vàng bạc, đá quý cho đơn vị và cá nhân ký cược, ký quỹ tại đơn vị thì việc quản lý và hạch toán các loại tài sản bằng tiền nhận ký cược, ký quỹ như hạch toán tài sản của đơn vị mình. Riêng đối với vàng bạc đá quý trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân đối số lượng và giám định chất lượng sau đó tiến hành niêm phong có xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

Đối với ngoại tệ, ngoài quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi nguyên tệ trên tài khoản 007 - “Nguyên tệ các loại”. Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

- Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định ... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413 “Chênh lệch tỷ giá”.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413 “Chênh lệch tỷ giá”.

- Khi tiến hành nhập quỹ tiền mặt phải có đầy đủ các chứng từ hợp lệ theo qui định của chế độ kế toán hiện hành.

- Kế toán quỹ tiền mặt chịu trách nhiệm mở và giữ sổ quỹ, ghi chép theo trình tự phát sinh các khoản thu chi, tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Riêng đối với vàng bạc đá quý nhận ký cược, ký quỹ phải theo dõi riêng một sổ hoặc một trang sổ. Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt, và chịu trách nhiệm quản lý chứng từ thu chi cuối tháng đối

chiếu với kế toán.

- Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tiền còn tồn quỹ thực tế và tiến hành đối chiếu với số liệu của sổ quỹ ở kế toán. Nếu có sự chênh lệch thì kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý số liệu đó.

#### **1.2.1.2. Chứng từ sử dụng:**

Việc thu, chi tiền mặt tại quỹ phải có lệnh thu, chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc (hoặc người có ủy quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở các lệnh thu, chi kế toán tiến hành lập các phiếu thu, chi. Thủ quỹ sau khi nhận được phiếu thu, chi sẽ tiến hành thu hoặc chi theo những chứng từ đó. Sau khi đã thực hiện xong việc thu, chi thủ quỹ ký tên và đóng dấu “Đã thu tiền” hoặc “Đã chi tiền” trên các phiếu đó, đồng thời sử dụng phiếu thu và phiếu chi đó để ghi vào sổ quỹ tiền mặt kiêm báo cáo quỹ. Cuối ngày thủ quỹ kiểm tra lại tiền tại quỹ, đối chiếu với các báo cáo quỹ và nộp báo cáo quỹ cho kế toán.

Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ để hạch toán vào tài khoản 111 “Tiền mặt” còn cần các chứng từ gốc liên quan khác kèm vào phiếu thu, phiếu chi như: giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hóa đơn bán hàng, biên lai thu tiền ...

#### **1.2.1.3. Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản sử dụng để hạch toán tiền mặt tại quỹ là tài khoản 111 “**Tiền mặt**”. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

##### **Bên nợ:**

- + Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ, nhập kho.
- + Số thừa quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- + Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng sau khi điều chỉnh.

##### **Bên có:**

- + Các khoản tiền mặt ngân phiếu, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn quỹ.

+ Số thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm sau khi điều chỉnh.

**Dư nợ:** Các khoản tiền, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý đá quý hiện còn tồn quỹ.

Tài khoản 111 gồm 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 “Tiền Việt Nam” phản ánh tình hình thu, chi, thừa, thiếu tồn quỹ tiền Việt Nam, ngân phiếu tại doanh nghiệp

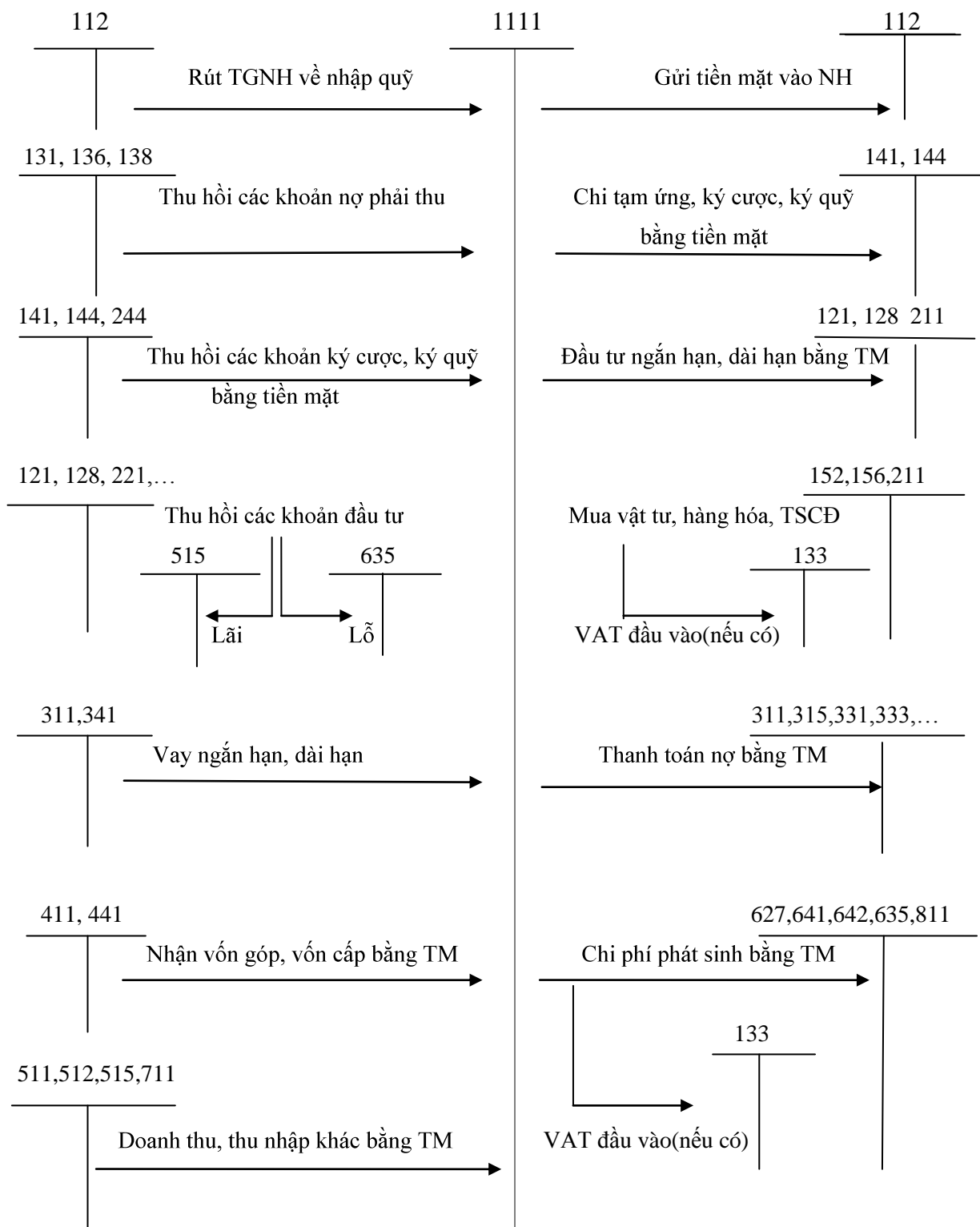
- Tài khoản 1112 “Tiền ngoại tệ” phản ánh tình hình thu, chi, thừa, thiếu, điều chỉnh tỷ giá, tồn quỹ ngoại tệ tại doanh nghiệp quy đổi ra đồng Việt Nam.

- Tài khoản 1113 “vàng, bạc, kim, khí quý, đá quý” phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, thừa, thiếu, tồn quỹ theo giá mua thực tế.

#### **1.2.1.4. Phương pháp hạch toán:**

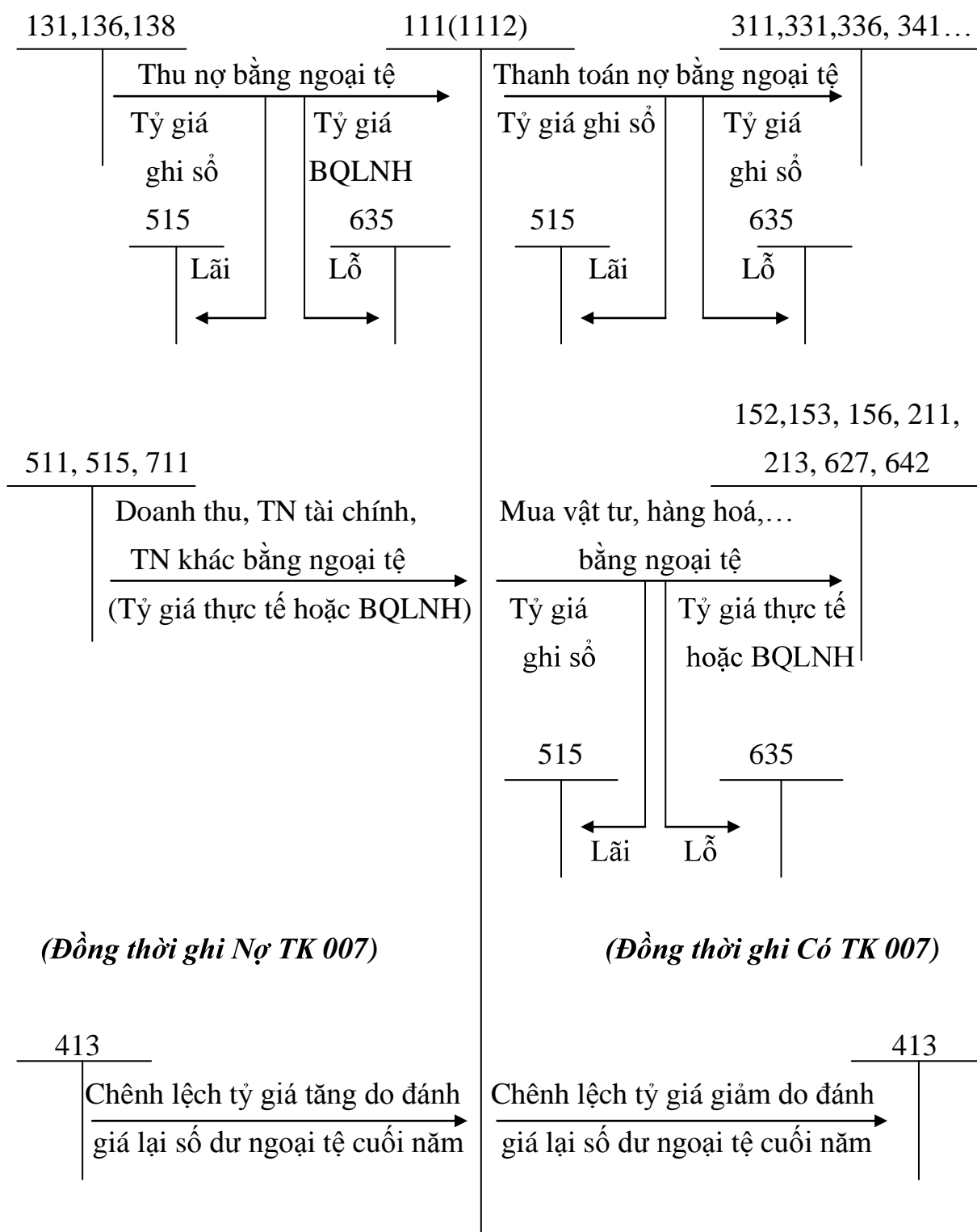
Phương pháp hạch toán tiền mặt tại quỹ bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được phản ánh qua 2 sơ đồ 1.1, 1.2 sau:

**Sơ đồ 1.1: KẾ TOÁN TIỀN MẶT (VND)**





**Sơ đồ 1.2: KẾ TOÁN TIỀN MẶT(NGOẠI TỆ)**



## **1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng.**

### **1.2.2.1. Quy định về kế toán tiền gửi ngân hàng:**

- Khi phát hành các chứng từ tài khoản tiền gửi ngân hàng, các doanh nghiệp chỉ được phép phát hành trong phạm vi số tiền gửi của mình. Nếu phát hành quá số dư là doanh nghiệp vi phạm kỷ luật thanh toán và phải chịu phạt theo chế độ quy định. Chính vì vậy, kế toán trưởng phải thường xuyên phản ánh được số dư tài khoản phát hành các chứng từ thanh toán.

- Khi nhận được các chứng từ do ngân hàng gửi đến kế toán phải kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đến cuối kỳ vẫn chưa xác định được rõ nguyên nhân thì kế toán phải ghi sổ theo giấy báo hay bản sao kê của ngân hàng. Số chênh lệch được ghi vào các tài khoản chờ xử lý (TK 1388 – “Tài sản thiếu chờ xử lý”, TK 3388 - “Tài sản thừa chờ giải quyết”). Sang kỳ sau phải tiếp tục kiểm tra đối chiếu tìm nguyên nhân chênh lệch để điều chỉnh lại số liệu đã ghi trên sổ.

- Trường hợp doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi ngân hàng ở nhiều ngân hàng thì kế toán phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

- Tại những đơn vị có bộ phận phụ thuộc cần mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết để giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng từng loại tiền gửi nói trên.

### **1.2.2.2. Chứng từ sử dụng:**

- Các giấy báo Có, báo Nợ, bản sao kê của ngân hàng.
- Các chứng từ khác : Séc chuyên khoản, séc định mức, séc bảo chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

### **1.2.2.3. Tài khoản sử dụng:**

Hạch toán tiền gửi ngân hàng (TGNH) được thực hiện trên tài khoản 112

- **“Tiền gửi ngân hàng”**. Kết cấu và nội dung của tài khoản này như sau:

Bên Nợ : Các khoản tiền gửi vào ngân hàng.

Bên Có : Các khoản tiền rút ra từ ngân hàng.

Dư nợ : Số tiền gửi tại ngân hàng.

Tài khoản 112 có 3 tài khoản cấp hai:

+ Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam : Phản ánh khoản tiền Việt Nam đang gửi tại ngân hàng.

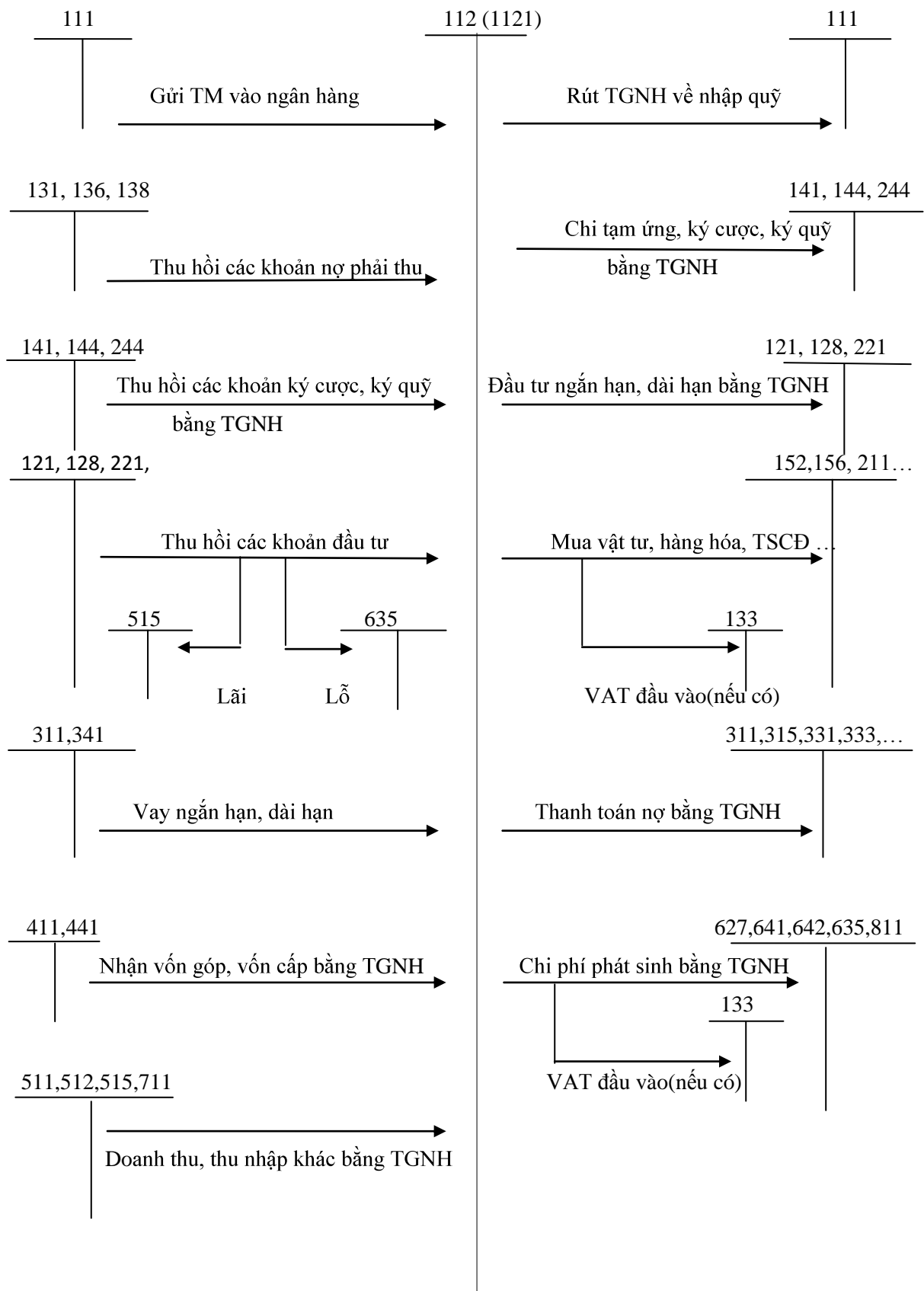
+ Tài khoản 1122 - Ngoại tệ : Phản ánh các khoản ngoại tệ đang gửi tại ngân hàng đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

+ Tài khoản 1123 – Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý : Phản ánh giá trị vàng , bạc, kim khí quý, đá quý đang gửi tại ngân hàng.

#### ***1.2.2.4. Phương pháp hạch toán:***

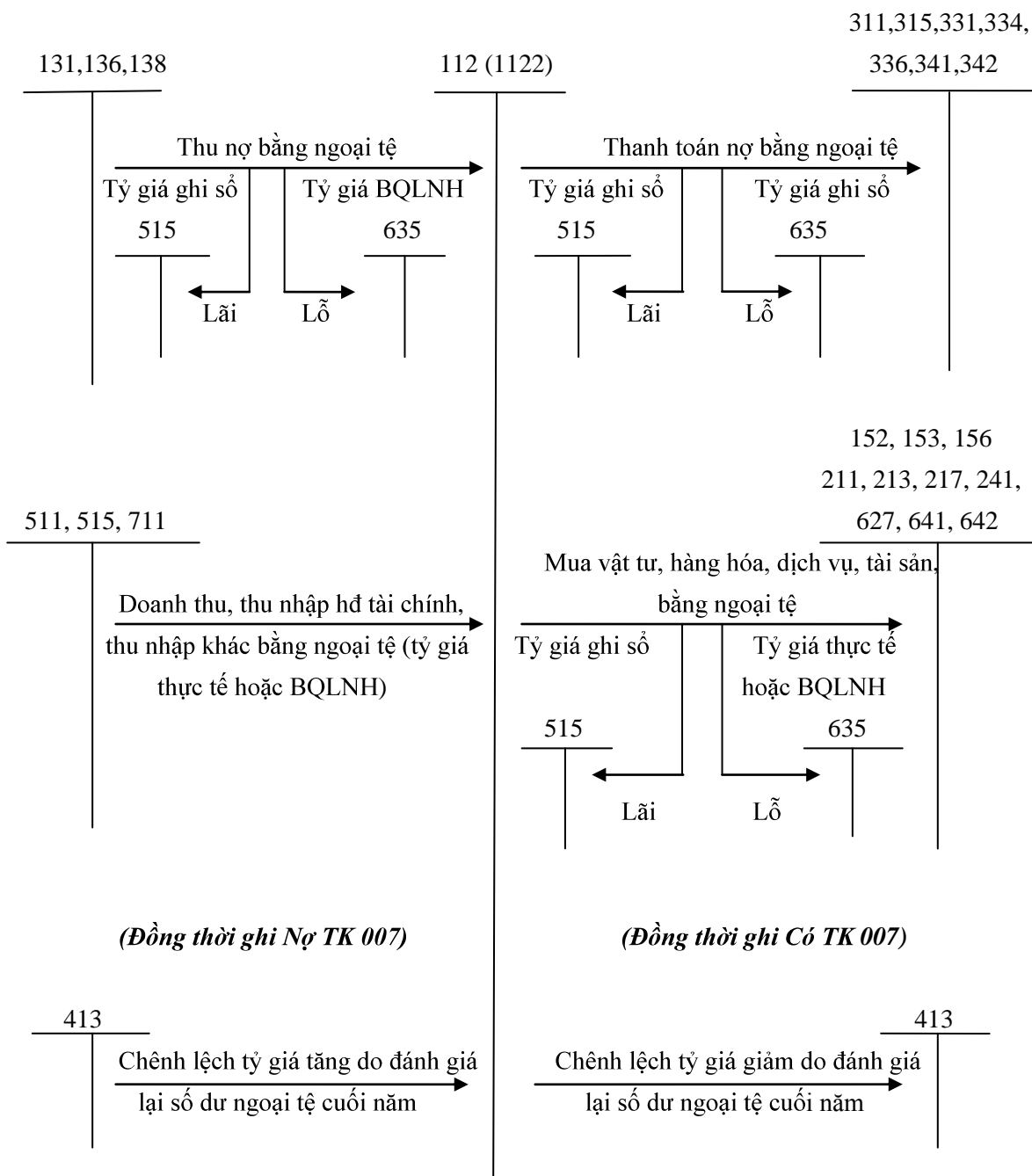
Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.3, 1.4 sau:

**Sơ đồ 1.3: KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VND)**



**Sơ đồ 1.4: KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (Ngoại tệ)**

**(Giai đoạn doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh)**



### **1.2.3. Kế toán tiền đang chuyển:**

#### **1.2.3.1. Nội dung kế toán tiền đang chuyển:**

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhà nước hoặc gửi vào bưu điện để chuyển vào ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng.

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho các đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay cho kho bạc (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc nhà nước)
- Tiền doanh nghiệp đã lưu ý cho các hình thức thanh toán séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền ...

#### **1.2.3.2. Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nộp tiền, bảng kê nộp séc
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như : séc các loại, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu.

#### **1.2.3.3. Tài khoản sử dụng:**

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên tài khoản 113 – “**Tiền đang chuyển**”. Nội dung và kết cấu của tài khoản này:

Bên Nợ : Tiền đang chuyển tăng trong kỳ.

Bên Có : Tiền đang chuyển giảm trong kỳ.

Dư nợ : Các khoản tiền còn đang chuyển.

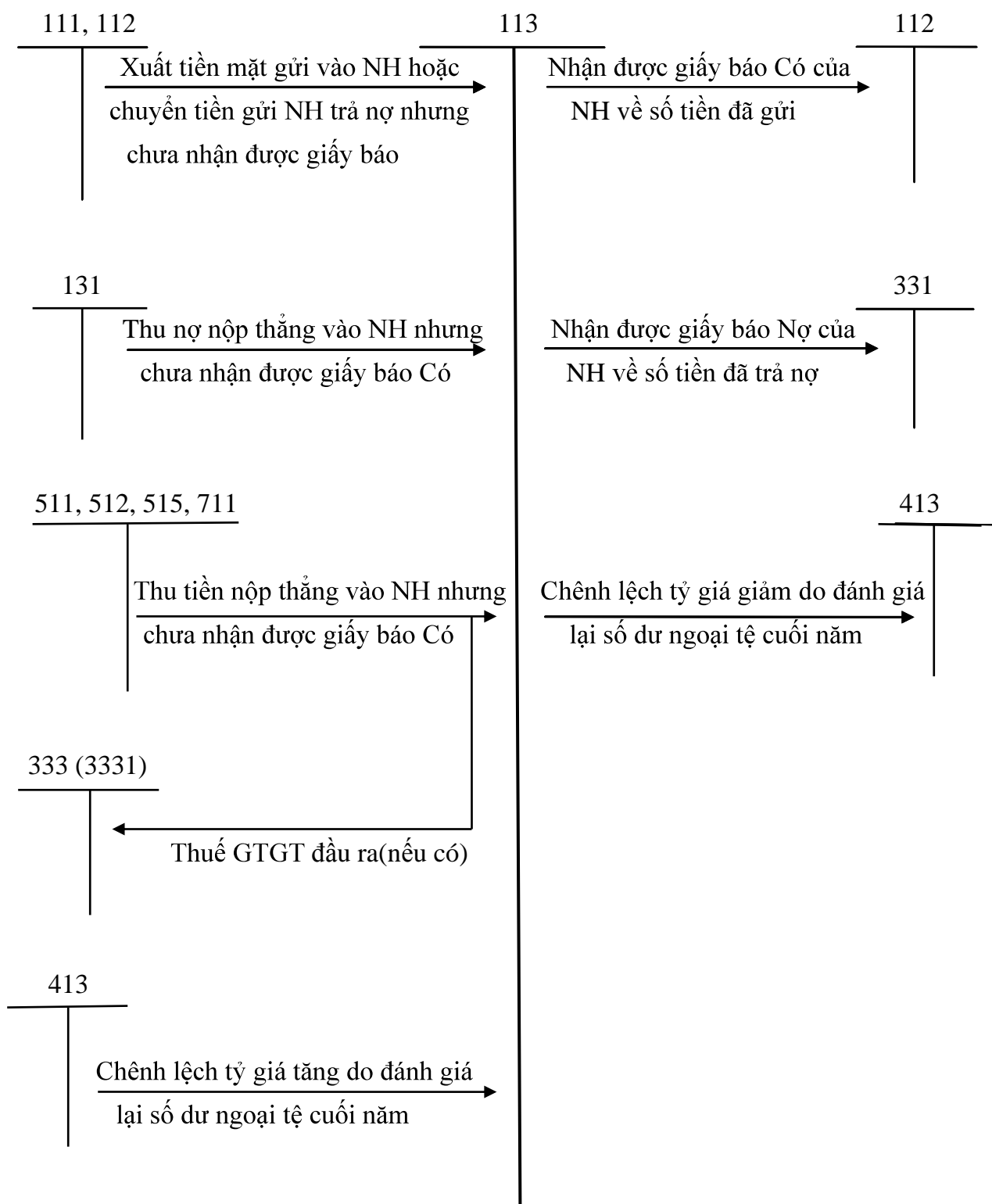
*Tài khoản 113 có hai tài khoản cấp hai:*

TK 1131 – “Tiền Việt Nam” : Phản ánh tiền đang chuyển bằng tiền Việt Nam.

TK 1132 – “Ngoại tệ” : Phản ánh tiền đang chuyển bằng ngoại tệ.

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán: được thể hiện qua sơ đồ:

**Sơ đồ 1.5: KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN**



### **1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:**

Mỗi doanh nghiệp khi tiến hành hạch toán đều thực hiện một hình thức chế độ sổ kế toán nhất định cho một niên độ kế toán xác định và phải thực hiện. Việc mở sổ và ghi sổ kế toán phải đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời chính xác, trung thực, liên tục có hệ thống tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý tài sản, tình hình sử dụng nguồn vốn của các doanh nghiệp, nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Sổ kế toán được mở theo từng niên độ kế toán. Ngay sau khi có quyết định thành lập, khi bắt đầu niên độ kế toán doanh nghiệp phải mở sổ kế toán mới. Giám đốc và kế toán trưởng có trách nhiệm duyệt các loại sổ này trước khi sử dụng.

Số liệu trên sổ kế toán phải rõ ràng, liên tục có hệ thống không xen kẽ, ghi chồng đè, không được bỏ cách dòng, nếu có dòng không ghi hết phải gạch bỏ chỗ thừa. Khi hết trang sổ phải cộng số liệu tổng cộng của mỗi trang đồng thời phải chuyển số tổng cộng này sang đầu trang kế tiếp.

Có 5 hình thức ghi sổ:

- Hình thức nhật ký sổ cái
- Hình thức chứng từ ghi sổ
- Hình thức nhật ký chứng từ
- Hình thức nhật ký chung
- Hình thức kế toán máy

\* Hình thức nhật ký sổ cái:

Đặc điểm chủ yếu: Hình thức sổ kế toán Nhật ký- Sổ cái có đặc điểm chủ yếu là mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi sổ theo thứ tự thời gian kết hợp với việc phân loại theo hệ thống vào sổ Nhật ký- Sổ cái.

Hệ thống sổ bao gồm:

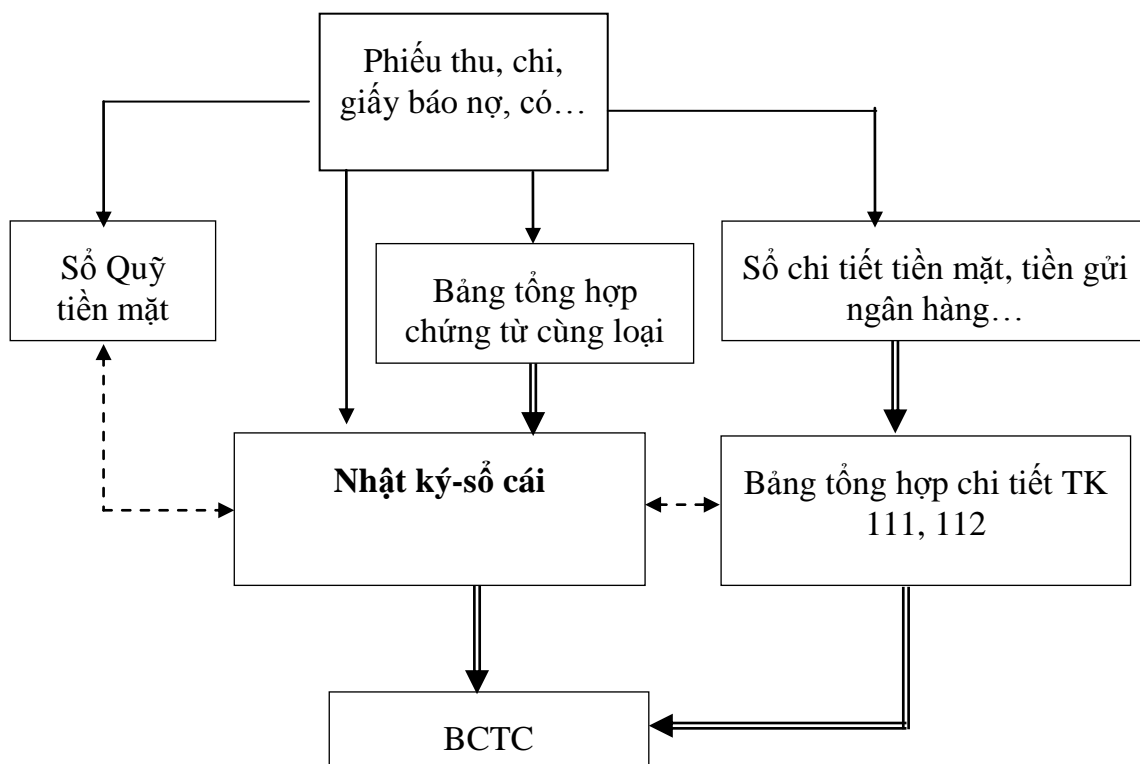
- Sổ kế toán tổng hợp: sử dụng duy nhất một sổ là sổ Nhật ký- sổ cái.
- Sổ kế toán chi tiết: bao gồm sổ chi tiết TSCĐ, vật liệu thành phẩm tùy thuộc vào đặc điểm yêu cầu quản lý đối với từng đối tượng cần hạch



toán chi tiết mà kết cấu, mỗi sổ kế toán chi tiết ở mỗi doanh nghiệp đều có thể khác nhau.

- Ưu, nhược điểm và phạm vi sử dụng:
- Ưu điểm: Dễ ghi chép, dễ đối chiếu kiểm tra số liệu.
- Nhược điểm: Khó phân công lao động, khó áp dụng phương tiện kỹ thuật tính toán, đặc biệt nếu doanh nghiệp sử dụng nhiều tài khoản, khối lượng phát sinh lớn thì Nhật ký- sổ cái sẽ công kênh, phức tạp.
- Phạm vi sử dụng: Trong các doanh nghiệp quy mô nhỏ, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít và sử dụng ít tài khoản như các doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ.

**Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký - sổ cái**



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
  - =====> Ghi cuối tháng
  - ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

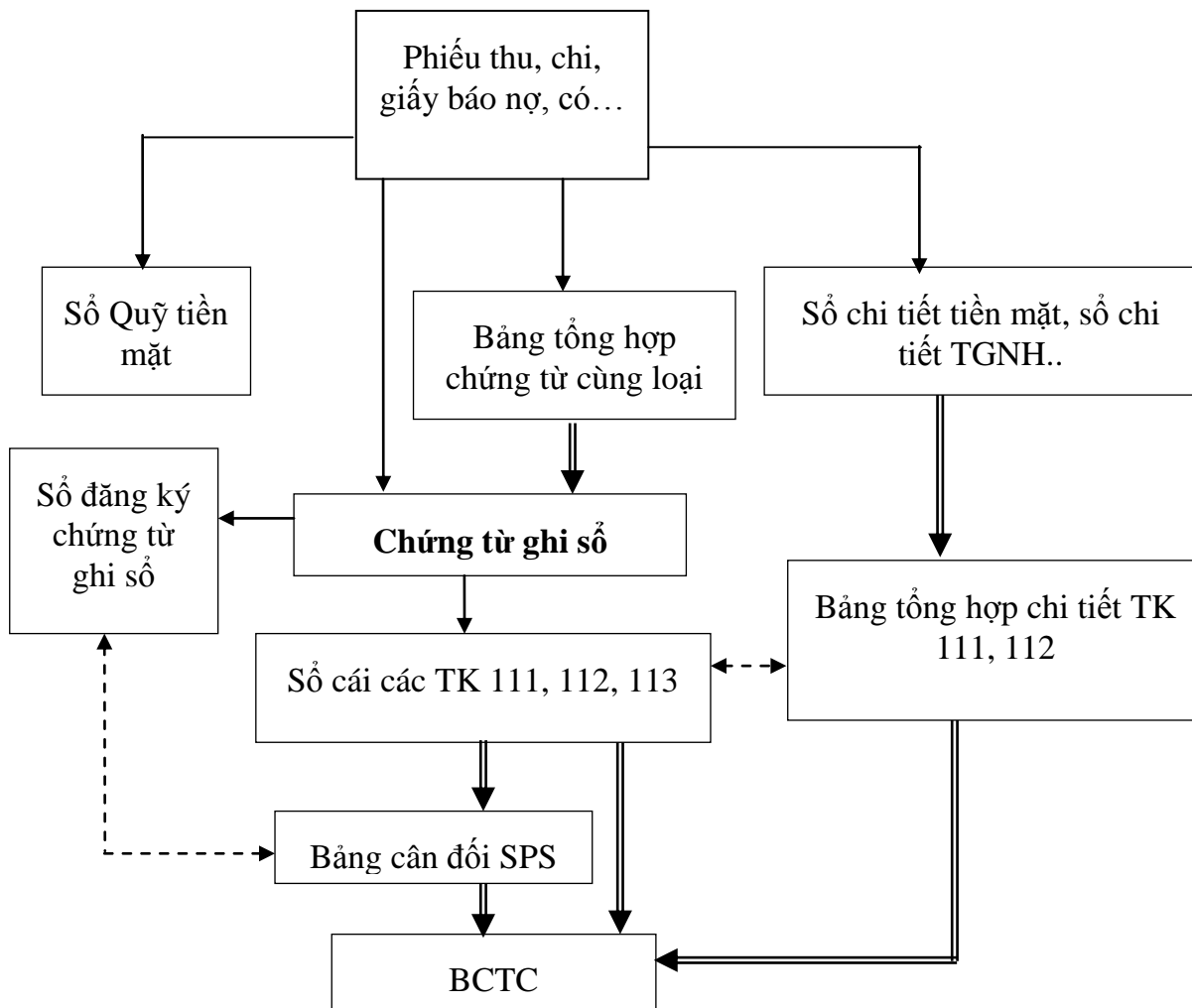
\* Hình thức chứng từ ghi sổ:

Đặc điểm chủ yếu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được phân loại để lập chứng từ ghi sổ trước khi ghi vào sổ kế toán tổng hợp. Trong hình thức này việc ghi sổ kế toán theo thứ tự thời gian tách rời với việc ghi sổ kế toán theo hệ thống trên 2 loại sổ kế toán tổng hợp khác nhau là sổ đăng ký CT- GS và sổ cái các tài khoản.

Hệ thống sổ kế toán:

- Sổ kế toán tổng hợp: gồm sổ đăng ký CT- GS và sổ cái các tài khoản.
- Sổ kế toán chi tiết: tương tự trong NK- SC.
- Ưu nhược điểm và phạm vi sử dụng:
  - Ưu điểm: Dễ ghi chép do mẫu sổ đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu, thuận tiện cho việc phân công công tác và cơ giới hoá công tác kế toán.
  - Nhược điểm: ghi chép còn trùng lặp, việc kiểm tra đối chiếu thường bị chậm.
- Phạm vi sử dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

\*Hình thức nhật ký chứng từ:

Đặc điểm chủ yếu: Kết hợp giữa việc ghi chép theo thứ tự thời gian với việc ghi sổ theo hệ thống, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa việc ghi chép hàng ngày với việc tổng hợp số liệu báo cáo cuối tháng.

Hệ thống sổ kế toán:

- Sổ kế toán tổng hợp: Các nhật ký chứng từ, các bảng kê.
- Sổ kế toán chi tiết : Ngoài các sổ kế toán chi tiết sử dụng như trong hai hình thức trên (CT- GS và NK- SC) còn sử dụng các bảng phân bổ.

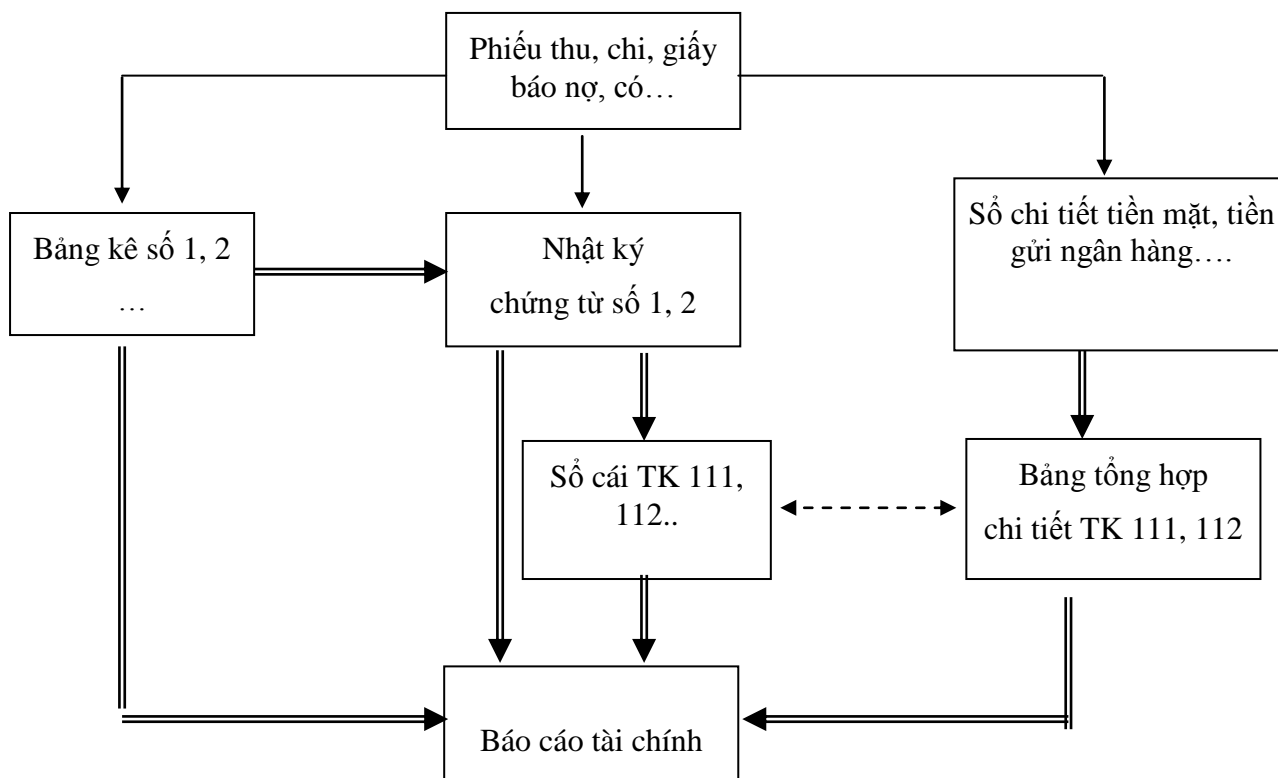
+ Ưu nhược, điểm và phạm vi sử dụng:

- Ưu điểm: Giảm bớt khối lượng ghi chép, cung cấp thông tin kịp thời thuận tiện cho việc phân công công tác.

- Nhược điểm: kết cấu sổ phức tạp, không thuận tiện cho cơ giới hoá

- Phạm vi sử dụng: ở các doanh nghiệp có quy mô lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, trình độ nghiệp vụ của kế toán vững vàng.

**Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chứng từ:**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-.-.-> Quan hệ đối chiếu

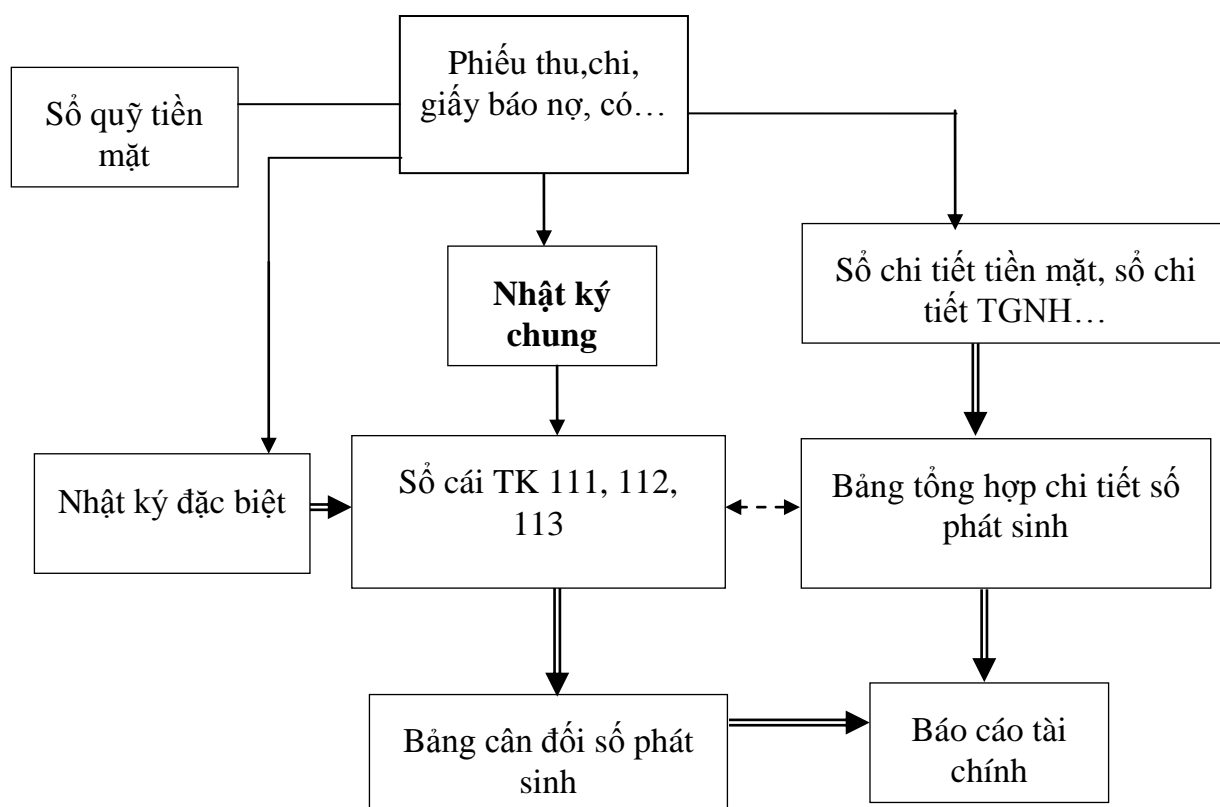
\* Hình thức nhật ký chung:

Đặc điểm chủ yếu: Các nghiệp vụ kinh tế được phát sinh vào chứng từ gốc để ghi sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian và nội dung nghiệp vụ kinh tế phản ánh đúng mối quan hệ khách quan giữa các đối tượng kế toán (quan hệ đối ứng giữa các tài khoản) rồi ghi vào sổ cái.

Hệ thống sổ:

- + Sổ kế toán tổng hợp: Sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký chuyên dùng, sổ cái các tài khoản (111, 112, 113)
- + Sổ kế toán chi tiết: Tương tự như các hình thức trên.

**Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức Nhật ký chung:**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

\* Hình thức kế toán máy:

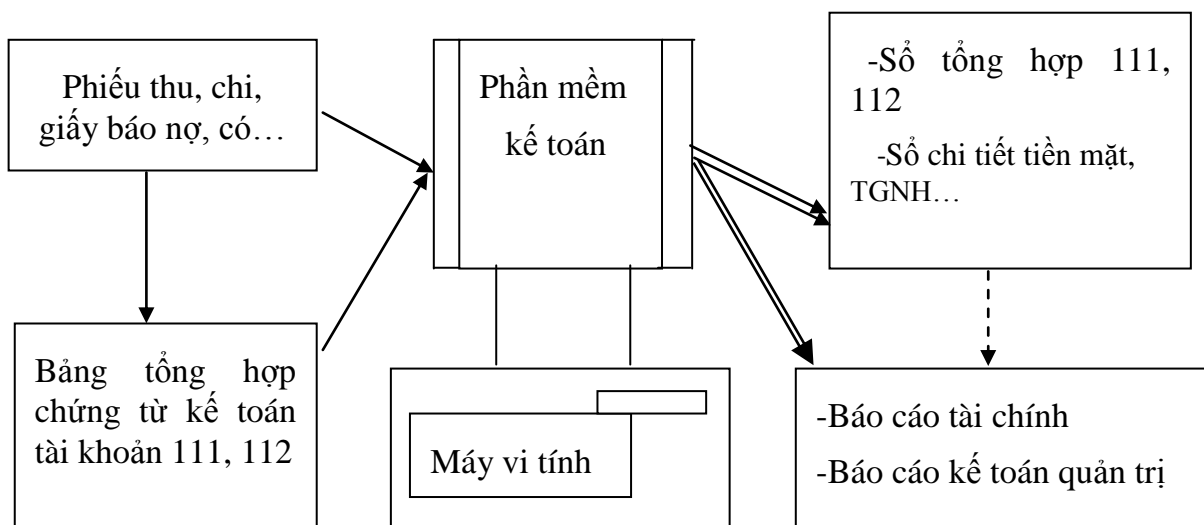
Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kết toán cùng loại để kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định TK ghi nợ, có để nhập dữ liệu vào máy tính. Theo quy trình của phần mềm, các thông tin được tự động nhập vào các bảng tổng hợp và các sổ thể chi tiết liên quan.

Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính.

Việc đối chiếu giữa sổ chi tiết và sổ tổng hợp luôn được đảm bảo chính xác và trung thực theo thông tin được nhập trong kỳ. Kế toán có thể đối chiếu, kiểm tra sau khi đã in ra giấy

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp được in ra giấy và đóng thành quyển, và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

**Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán vốn bằng tiền theo hình thức kế toán máy:**



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

## CHƯƠNG 2:

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH 1TV THAN NAM MẪU-VINACOMIN

#### 2.1. Khái quát chung về công ty:

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Vinacomin:

Công ty Than Nam Mẫu là đơn vị trực thuộc Công ty Than Uông Bí, là một thành viên của Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam được thành lập ngày 01/04/1999 theo quyết định số 502/QĐ-TCCB-ĐT ngày 23/3/1999, trên cơ sở sát nhập giữa hai mỏ than: Than Thùng và Yên Tử. Đến ngày 01/7/2008, Công ty Than Nam Mẫu trở thành Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam theo quyết định số 1372/QĐ-HĐQT ra ngày 11/6/2008.

Tên công ty: Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu (viết tắt là Công ty Than Nam Mẫu-Vinacomin).

Mã số thuế: 5700591477

Địa chỉ trụ sở: Phường Quang Trung, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 033.3.854.293

Fax: : 033.3.845.360.

E\_mail: Ctythannammau@vnn.vn

Vốn điều lệ: 157.000.000.000 đồng (Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm phê duyệt Điều lệ số 1489/QĐ-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng quản trị)

Trong 10 năm qua, Công ty luôn lo đủ công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, từng bước cải thiện điều kiện cho người lao động. Tại các khu tập thể của công nhân đều được phục vụ đầy đủ về ăn, ở, đi lại và sinh hoạt như vệ sinh, tắm nước nóng, giặt sấy quần áo, ủng, nước sạch... Công ty luôn quan tâm đến bữa ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng theo chế độ, cải tạo, tu bổ vườn hoa, cây cảnh, truyền thanh, truyền hình, thư viện... Ngày nay, Công ty đó ngày càng đứng vững và từng bước khẳng định mình, chiếm một chỗ đứng

quan trọng trên thị trường và ngày càng phát triển mạnh mẽ.

### **2.1.2.Đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh:**

Sản phẩm chính của Công ty Than Nam Mũi là than nguyên khai. Than của Công ty than Nam Mũi thuộc loại than Antraxit được thể hiện ở 2 loại than:

- Than cứng màu đen, á kim đến bán kim có cấu tạo khối.
- Than cám màu đen, dạng lưới phiến, ô, thấu kính.

Tỷ lệ than cám chiếm 50 ÷ 55% nhưng thực tế khi khai thác thường chiếm từ 60 ÷ 75%.

Do có hai mùa rõ rệt nên Công ty than Nam Mũi trong những tháng mùa mưa việc sản xuất than gặp rất nhiều khó khăn.sản lượng bị hạn chế ,trong khi đó vào mùa khô thì sản lượng sản xuất và tiêu thụ thường cao.

Loại sản phẩm của công ty rất đa dạng, các sản phẩm khác nhau về chất lượng như: chất bốc hàm lượng lưu huỳnh có trong than khác nhau, độ tro...

Tùy theo nhu cầu của khách hàng mà công ty có thể cung cấp các loại than với các sản phẩm hiện có trên thị trường tiêu thụ chủ yếu, thị trường chủ yếu của công ty là thị trường trong nước, ngoài ra công ty cũng có thể xuất khẩu theo sự phân công của tổng Công ty Than Việt Nam.

Các loại than đều được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và tiêu chuẩn ngành (TCN).

Ngoài sản xuất, chế biến và tiêu thụ than, Công ty còn kinh doanh các dịch vụ:

- Thăm dò, khảo sát địa chất và địa chất công trình.
- Sản xuất, sửa chữa cơ khí, thiết bị mỏ, phương tiện vận tải.
- Vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy.
- Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Sản xuất, kinh doanh nước uống tinh khiết, hàng hoá phục vụ sản xuất và đời sống của cán bộ công nhân viên trong Công ty.

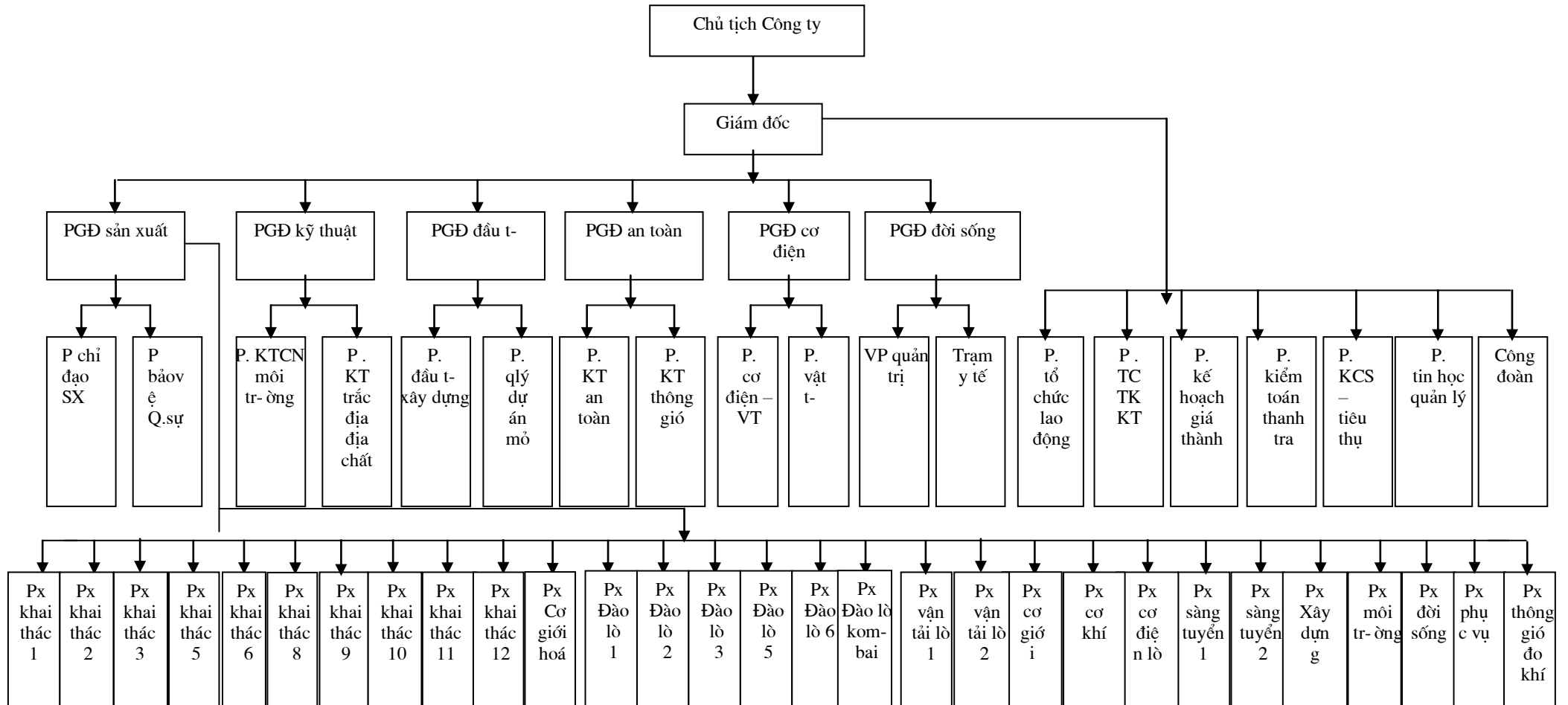
### **2.1.3.Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty:**

Để thích ứng với nền kinh tế hiện nay, ban lãnh đạo công ty than Nam Mũi đã sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý, để đảm bảo cho sự tồn tại và phát



triển của doanh nghiệp, để nâng cao và tận dụng hết khả năng năng lực trong sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Bộ máy tổ chức và quản lý của công ty hiện nay được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng điều đó được thể hiện qua sơ đồ bộ máy quản lý sản xuất của công ty. Sơ đồ 2.1:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty Than Nam Mũi – Vinacomin



Giám đốc Công ty Là đại diện có tư cách pháp nhân, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty than Uông Bí-Viancomin về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định. Mỗi quan hệ giữa Giám đốc và các đơn vị là quyền lực chỉ huy, dưới Giám đốc còn có các Phó giám đốc. Các phó giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực phụ trách của mình, nhưng cũng có quyền tham mưu cho Giám đốc trong việc ra quyết định cũng như được quyền thay mặt Giám đốc ( khi được Giám đốc uỷ quyền ) ra quyết định và điều hành công việc. Thấp hơn còn có các phòng ban chức năng tham mưu vào các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

\* Phó giám đốc kỹ thuật:

Là người tham mưu giúp việc cho Giám đốc về kỹ thuật sản xuất, quản lý chỉ đạo các công tác.

\* Phó giám đốc sản xuất:

Là người tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty công tác điều hành sản xuất theo kế hoạch được giao.

\* Phó giám đốc kỹ thuật an toàn:

Chuyên trách và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về công tác AT - BHLĐ, vệ sinh môi trường trong Công ty.

\* Phó Giám đốc Cơ điện:

Là người tham mưu giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm về công tác cơ điện, vận tải và công tác vật tư.

\* Phó giám đốc đời sống:

Là người tham mưu giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm về công tác đời sống của CBCNV trong toàn Công ty.

\* Văn phòng Giám đốc: Tham mưu cho Giám đốc các công văn, hồ sơ lưu trữ của Công ty, soạn thảo các văn bản, lịch công tác cho ban Giám đốc. Hàng tuần, tháng, quý, năm, tổng kết kết quả SXKD của Doanh nghiệp. Phụ trách công tác thi đua khen thưởng tham mưu cho Hội đồng khen thưởng Công ty các công tác nội nghiệp của Công ty.

\* Phòng Tổ chức lao động: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về công tác tổ chức, bố trí nhân lực đảm bảo theo yêu cầu của sản xuất.

\* Phòng Thống kê - Kế toán - Tài chính: Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và tham mưu về công tác thống kê, kế toán, tài chính, thực hiện đầy đủ Luật kế toán, thống kê. Tham mưu cho Giám đốc việc quản trị khoán chi phí, hạch toán kế toán và tài chính Doanh nghiệp. Hàng tuần, tháng, quý, năm tổng hợp báo cáo tài chính, hạch toán chi phí giá thành, đối chiếu công nợ, quản lý tiền mặt và quỹ lương Doanh nghiệp. Sáu tháng tổ chức phân tích kinh tế để tìm biện pháp cho hoạt động SXKD có lãi.

\* Phòng Kế hoạch: Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn, xây dựng các hợp đồng kinh tế, cùng Hội đồng thanh lý các hợp đồng.

\* Phòng Vật tư: Lập kế hoạch cung ứng vật tư ngắn hạn, dài hạn; tổ chức thu mua hàng hoá, thiết bị, thu hồi thanh lý thiết bị tài sản...

\* Phòng Kỹ thuật An toàn: Tham mưu cho Giám đốc công tác kỹ thuật an toàn trong sản xuất. Soạn thảo các văn bản, các nội quy, quy định về an toàn theo các thông tư của nhà nước đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy định của Nhà nước ban hành.

\* Phòng Kỹ thuật Cơ điện: Tham mưu và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về việc quản lý, sử dụng hệ thống điện, thiết bị, tài sản, phương tiện vận chuyển, bốc xúc đất đá... thiết bị hầm lò đảm bảo có hiệu quả, an toàn. Lập kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về đầu tư tài sản trang thiết bị đảm bảo cho sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao.

\* Phòng chỉ đạo sản xuất: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công tác điều hành sản xuất, cân đối sản lượng nhân lực hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng ngày, tháng, quý, năm. Trực tiếp chỉ đạo sản xuất, xử lý kịp thời các ấch tắc, vướng mắc trong sản xuất, báo cáo kịp thời với Giám đốc.

\* Phòng Kỹ thuật Đầu tư: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công tác đầu tư, các dự án đầu tư, ngắn hạn, dài hạn và đầu tư phát triển mở, đầu tư

XDCB, kiểm tra giám sát các công trình thi công đảm bảo tiến độ, kỹ thuật.

\* Phòng Kỹ thuật Công nghệ: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công tác kỹ thuật trong sản xuất, tiêu thụ than.

\* Phòng Địa chất - Trắc địa: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công tác khảo sát đánh giá tài nguyên, ranh giới mỏ. Lập báo cáo về điều kiện địa chất, thủy văn của từng khu vực sản xuất, trữ lượng mỏ, điều kiện đất đá, độ dày của vỉa, trữ lượng mỏ, trữ lượng công nghiệp mỏ, độ tro, cỡ hạt, chất bốc...

\* Phòng KCS: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công tác lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, hàng tháng, quý, năm. Tổ chức kiểm tra chất lượng than tại các cửa lò, kho bãi như: Độ tro, độ ẩm, cỡ hạt...

\* Phòng Bảo vệ - Quân sự: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội trong địa bàn Công ty quản lý. Bảo vệ tốt tài sản trang thiết bị và ranh giới mỏ. Ngăn chặn kịp thời những biểu hiện tiêu cực, tổ chức lực lượng dân quân tự vệ cho Công ty.

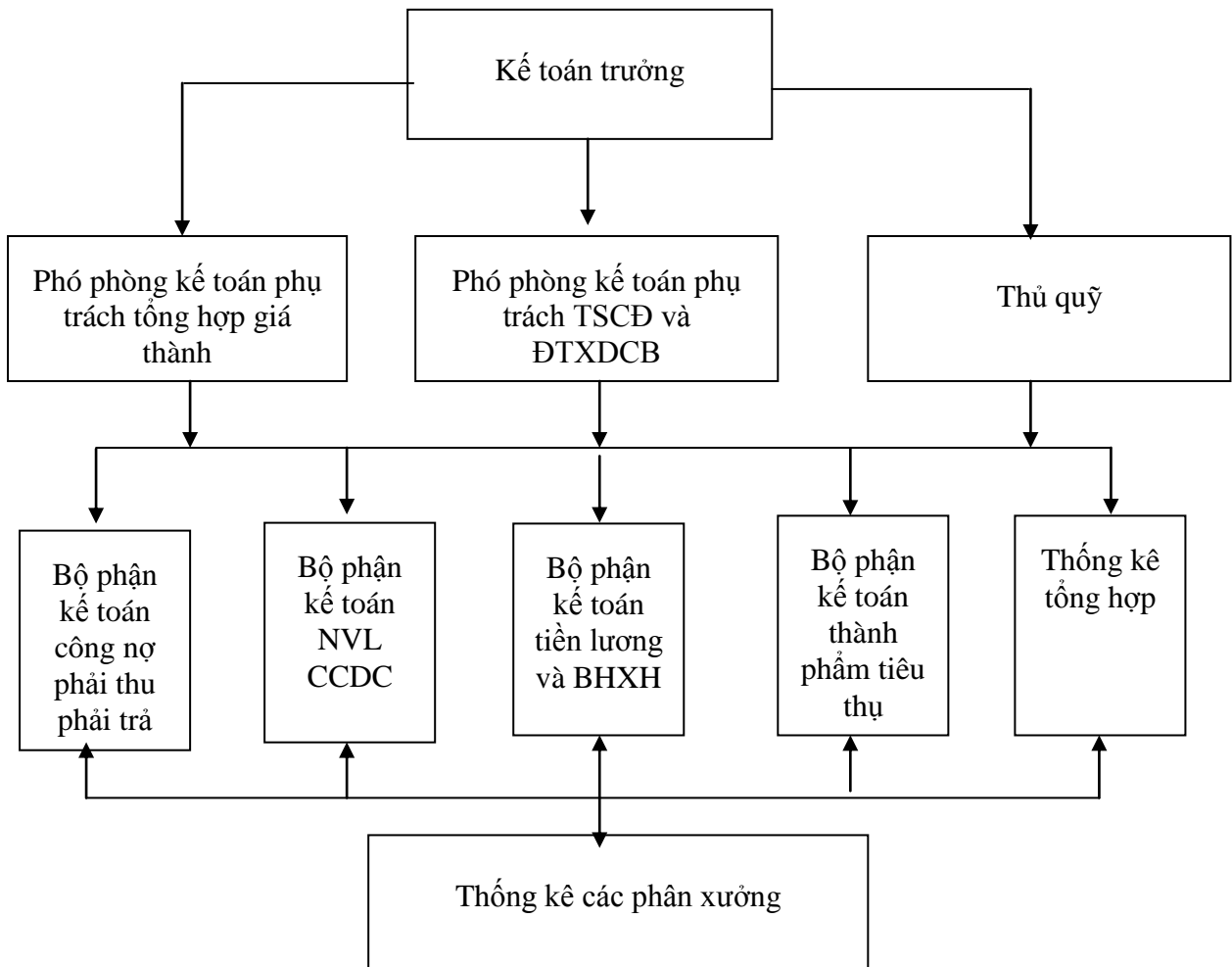
\* Phòng Kiểm toán thanh tra: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc Công ty trong công tác kiểm toán nội bộ và tổ chức công tác thanh tra nội bộ, nhằm chấn chỉnh công tác quản lý theo đúng pháp luật. Giải quyết các đơn thư, khiếu tố của công dân (nếu có).

\* Phòng Y tế: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công tác kiểm tra, khám chữa bệnh cho công nhân viên chức theo định kỳ hàng năm, tổ chức các trạm y tế hiện trường phục vụ cho sản xuất.

**2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty:**

**2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:**

**Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán ở Công ty than Nam Mẫu**



Công ty Than Nam Mẫu là một doanh nghiệp có quy mô lớn. Căn cứ vào đặc điểm sản xuất của tổ chức quản lý Công ty đã tổ chức công tác hạch toán kế toán theo mô hình tập trung-phân tán. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự tập chung thống nhất từ các phân xưởng sản xuất đến phòng tài chính- thông kê -kế toán của doanh nghiệp dưới sự lãnh đạo của bộ máy quản lý của đơn vị.

- Kế toán trưởng : Chịu trách nhiệm chung trước giám đốc, trước doanh nghiệp về công tác kế toán và tài chính của toàn doanh nghiệp.

- Phó phòng kế toán: Trực tiếp phụ trách công tác thống kê với kế toán trưởng chỉ đạo các hoạt động của phòng tài chính kế toán. Đồng thời kiêm cả kế toán TSCĐ và kế toán đầu tư XDCB.

- Hai kế toán vật liệu - CCDC: Nhiệm vụ là ghi chép phản ánh các số liệu tình hình Nhập - Xuất - Tồn và mở sổ theo dõi vật liệu, CCDC.

- Một kế toán tổng hợp giá thành: Ghi chép phản ánh tổng hợp các số liệu về tình hình sản xuất tiêu thụ, tồn kho và các loại sản phẩm, các nguồn vốn quỹ của các mỏ, các khoản cấp phát hàng tháng, báo cáo giá thành các loại sản phẩm.

- Hai kế toán tiền lương: Ghi chép phản ánh tổng hợp các số liệu về quỹ lương, tính và thanh toán tiền lương đồng thời tính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí Công đoàn, sau đó phân bổ cho các đối tượng sử dụng.

- Bộ phận tài chính gồm 4 người:

- + Kế toán công nợ.
- + Kế toán tiền mặt.
- + Kế toán tiền gửi ngân hàng.
- + Thủ quỹ.

Thủ quỹ là bộ phận hoạt động độc lập trong bộ máy kế toán của Công ty, chỉ chịu sự quản lý của kế toán trưởng.

Ghi chép phản ánh chính xác đầy đủ, kịp thời số liệu về quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hiện có, phản ánh tình hình biến động tăng giảm, tình hình công nợ hàng tháng, giám sát chặt chẽ việc chấp hành các chế độ thu chi.

- Một kế toán thành phẩm tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh:

Phản ánh chính xác kịp thời tình hình xuất, nhập, tồn thành phẩm, phản ánh và giám sát chặt chẽ quá trình bán hàng các chi phí thu nhập bán hàng và xác định chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Mỏ.

#### **2.1.4.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty:**

Công tác kế toán tại công ty được thực hiện tuân thủ theo đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của Tập đoàn.

Công ty áp dụng niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là: đồng Việt Nam (VNĐ).

Công ty áp dụng hệ thống kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Hình thức kế toán áp dụng: nhật ký chứng từ.

Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.

Phương pháp hạch toán HTK: phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

Khấu hao tài sản cố định theo đường thẳng ( tuyến tính), tính khấu hao từng ngày theo quyết định 206/2003/QĐ-BTC của Bộ tài chính.

#### ***2.1.4.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán:***

Căn cứ vào các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, các chế độ tài chính- kế toán hiện hành và đặc thù của doanh nghiệp. Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Vinacomin áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

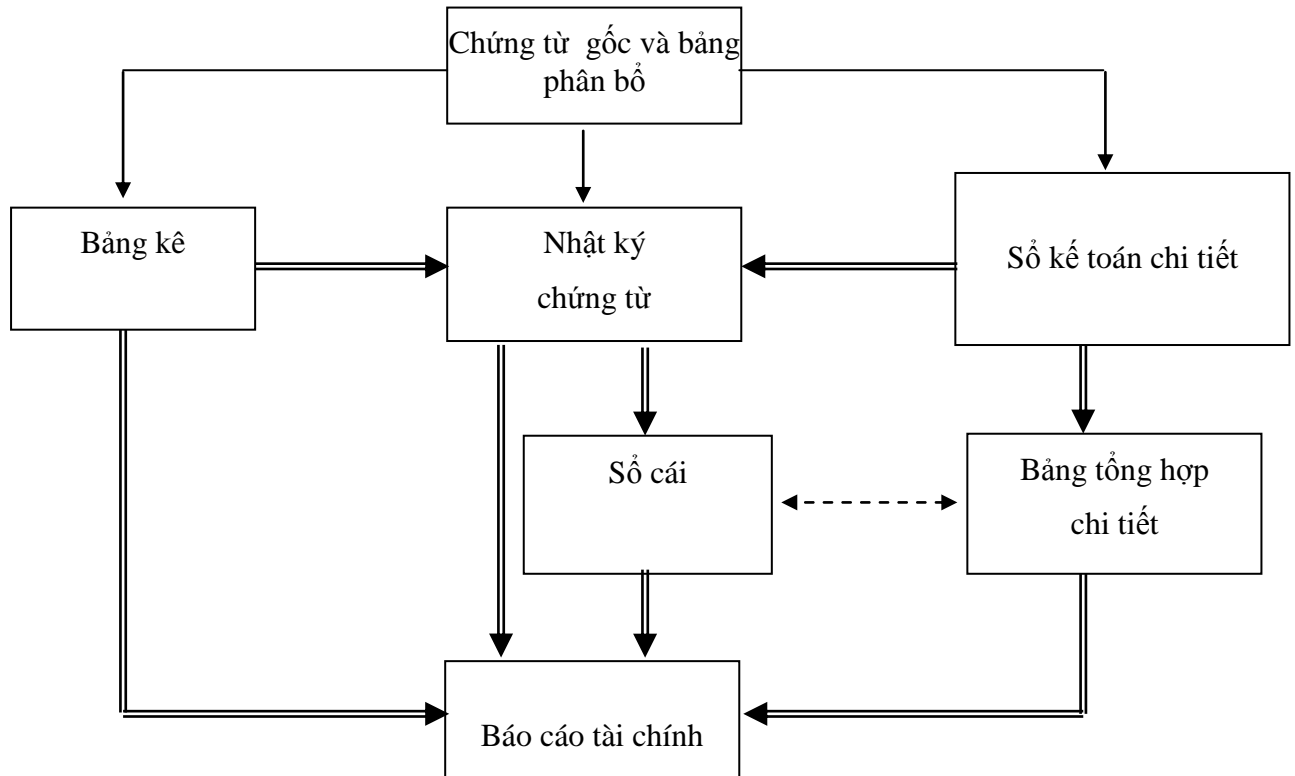
#### ***2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty:***

Công tác kế toán tại công ty được thực hiện tuân thủ theo đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của Tập đoàn.

Hình thức kế toán hiện nay được áp dụng ở Công ty là hình thức nhật ký chứng từ. Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung ở phòng kế toán tài chính. Trình tự ghi sổ kế toán của hình thức nhật ký chứng từ tại Công ty được khái quát qua sơ đồ sau :



**Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tại công ty**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

**\* Quy trình hạch toán:**

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra, đối chiếu các số liệu ghi trực tiếp vào nhật ký chứng từ hoặc bảng kê có liên quan.

Đối với các chứng từ phản ánh chi phí phát sinh nhiều lần trong tháng (như vật liệu, tiền lương...) thì được tập hợp phân loại riêng và cuối tháng lập thành bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu này để ghi vào các nhật ký chứng từ và bảng kê có liên quan.

Đối với các chứng từ có liên quan đến sổ và thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ và thẻ có liên quan.

- Cuối tháng kế toán cộng các bảng kê lấy số liệu ghi vào nhật ký chứng từ.

Cộng các nhật ký chứng từ: kiểm tra đối chiếu các số liệu trên nhật ký

chứng từ có liên quan, lấy số liệu tổng cộng trên nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái. Cộng các sổ và thẻ kế toán chi tiết lấy số liệu lập các bảng tổng hợp chi tiết để đối chiếu với sổ cái.

Cuối cùng lấy số liệu trên sổ cái, trên các nhật ký chứng từ, bảng kê và bảng tổng hợp để lập bảng cân đối kế toán và báo cáo tài chính.

#### **2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán tại Công ty:**

Báo cáo tài chính phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, số liệu phản ánh trung thực, chính xác, phục vụ đầy đủ và kịp thời.

Báo cáo định kỳ nhà nước Công ty phải nộp gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Các bảng kê khai thuế và nghĩa vụ thực hiện đối với nhà nước.

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV**

### **Than Nam Mẫu-Vinacomin:**

#### **2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ:**

Tiền mặt tại Công ty là một yếu tố vốn bằng tiền cấu thành trên Tài sản lưu động nhằm phục vụ nhu cầu kê khai thường xuyên tại Công ty. Để phục vụ cho sản xuất kinh doanh, Công ty luôn cần một lượng tiền mặt. Số tiền mặt được ổn định ở một mức hợp lý nhất. Tiền mặt tại quỹ Công ty luôn được đảm bảo an toàn và thực hiện một cách triệt để đúng theo chế độ thu, chi quản lý tiền mặt.

Hiện nay, Công ty chỉ sử dụng loại tiền Việt Nam tại quỹ để thanh toán. Nhằm quản lý và hạch toán chính xác tiền mặt tại quỹ không để xảy ra tình trạng mất mát, thiếu hụt thì công tác quản lý tiền mặt tại quỹ ở DN nói chung và Công ty CPĐT và DV SHC Việt Nam nói riêng đều tuân theo những nguyên tắc sau:

- Mọi khoản thu, chi Tiền mặt đều phải có chứng từ hợp lý, hợp pháp để chứng minh (như phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi ...). Sau

khi kiểm tra chứng từ hợp lệ thủ quỹ tiến hành thu hoặc chi tiền và giữ lại các chứng từ đã có chữ ký của người nộp tiền hoặc người nhận tiền.

- Việc quản lý Tiền mặt tại quỹ phải do thủ quỹ, giám đốc chỉ thị. Khi thủ quỹ có công tác đột xuất buộc phải vắng mặt ở nơi làm việc hoặc có sự thay đổi thủ quỹ thì phải có văn bản chính thức của Công ty. Khi bàn giao quỹ dứt khoát phải tiến hành kiểm kê, thủ quỹ tuyệt đối không được nhờ người khác làm thay, không được trực tiếp mua bán vật tư, hàng hóa của Công ty hay kiểm nghiệm công tác kế toán.

- Việc kiểm tra quỹ không chỉ tiến hành định kỳ mà còn phải thường xuyên kiểm tra đột xuất nhằm ngăn chặn tình trạng vay mượn gây thất thoát công quỹ.

- Số tiền mặt tồn quỹ luôn phải đúng với số liệu trong sổ quỹ. Mọi sai lệch đều phải tìm ra nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời.

#### **2.2.1.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng:**

*\* Chứng từ sử dụng:*

Trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu thu, phiếu chi: căn cứ vào các chứng từ liên quan (Hóa đơn giá trị gia tăng, Đơn xin rút tiền, Giấy đề nghị thanh toán...), kế toán nhập dữ liệu vào máy tính và in phiếu thu, phiếu chi. Các phiếu này khi đã được ghi đầy đủ nội dung, đính kèm với các chứng từ trên sẽ được chuyển lên giám đốc, trưởng phòng kế toán để ký duyệt. Cuối cùng chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ để xuất, nhập quỹ.

Phiếu thu gồm 3 liên:

+ Liên 1 : lưu tại phòng kế toán.

+ Liên 2 : giao cho người nộp.

+ Liên 3 : giao cho thủ quỹ.

Phiếu chi gồm 3 liên :

+ Liên 1 : lưu tại phòng kế toán

+ Liên 2 : giao cho người nhận

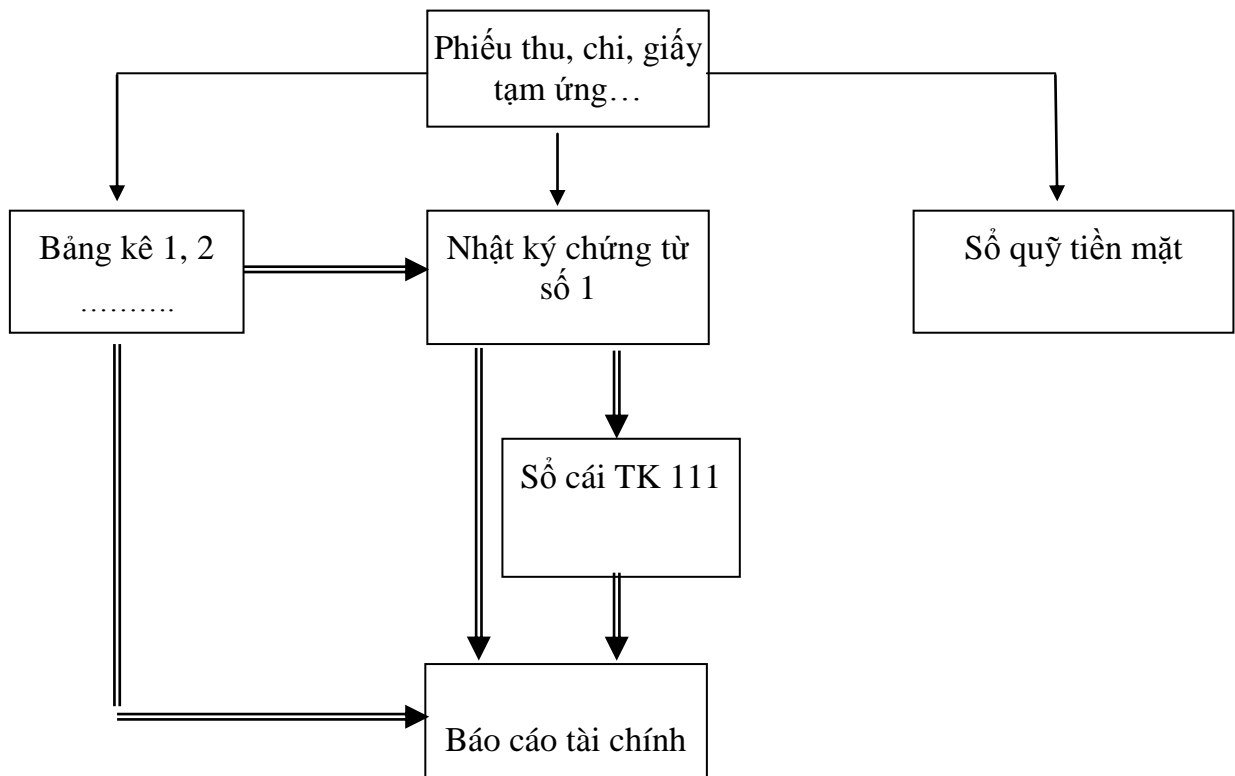
+ Liên 3 : giao cho thủ quỹ

\* Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 111-**“tiền mặt”** để phản ánh tình hình thu chi tiền mặt tại Công ty. Công ty không sử dụng ngoại tệ để thanh toán trong giao dịch bằng tiền mặt nên TK 111 không có tài khoản cấp 2.

**2.2.1.2. Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty:**

Quy trình hạch toán tiền mặt tại quỹ của Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Vinacomin được kế toán thực hiện theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

**2.2.1.3. Một số ví dụ minh họa:**

Trong tháng 12/2012, Công ty phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt. Sau đây là một số nghiệp vụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 2/12/2012, thu tiền hoàn ứng đến bù giải phóng mặt bằng

đường ô tô với số tiền là : 300.000.000 đồng.

Kế toán định khoản: Nợ TK 111: 300.000.000

Có TK 141: 300.000.000

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán lập phiếu thu (biểu 2.1), thủ quỹ vào sổ quỹ (biểu 2.5), từ phiếu thu kế toán vào bảng kê số 1 (biểu 2.7), cuối tháng số liệu từ bảng kê số 1 kế toán dùng để ghi vào các nhật ký chứng từ liên quan.

Ví dụ 2: Ngày 8/12/2012, bà Nguyễn Thị Minh Thủy (thủ quỹ) rút tiền từ ngân hàng Công Thương về nhập quỹ tiền mặt số tiền 2.000.000.000 đồng.

Kế toán định khoản: Nợ TK 111: 2.000.000.000

Có TK 112: 2.000.000.000

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán lập phiếu thu, thủ quỹ vào sổ quỹ, từ phiếu thu kế toán vào bảng kê số 1, cuối tháng số liệu từ bảng kê số 1 kế toán dùng để ghi vào các nhật ký chứng từ có liên quan.

Ví dụ 3: Ngày 20/12/2012, tạm ứng tiền mua thiết bị lò tháng 12 cho Lê Thị Mơ (PX.Cơ điện lò) số tiền là: 19.000.000 đồng.

Kế toán định khoản: Nợ TK 141: 19.000.000.000

Có TK 111: 19.000.000

Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng, kế toán lập phiếu chi, thủ quỹ ghi sổ quỹ tiền mặt, từ phiếu chi kế toán vào nhật ký chứng từ số 1. cuối tháng, số liệu trên nhật ký chứng từ số 1 được dùng để vào sổ cái TK 111.

Đơn vị : Công ty than Nam Mẫu

Mẫu số: 02 - TT

Địa chỉ : Quang Trung-Uông bí-Quảng Ninh (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

Ngày 02 tháng 12 năm 2012

Số: 376

Nợ TK 111

Có TK 141

Họ và tên người nộp tiền: Lê Ngọc Huấn

Địa chỉ: Phòng Quản lý dự án

Lý do nộp: Thu tiền hoàn ứng đền bù giải phóng mặt bằng ô tô

Số tiền: 300.000.000đ (Viết bằng chữ): Ba trăm triệu đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Ngày 02 tháng 12 năm 2012

<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	-----------------------------------	--	---------------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): năm triệu đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Đơn vị : Công ty than Nam Mẫu

Mẫu số: 02 - TT

Địa chỉ : Quang Trung-Uông bí-Quảng Ninh (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

Số: 386

Nợ TK 111

Có TK 112

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Minh Thủy

Địa chỉ: Phòng Tài chính-Thống kê-Kế toán

Lý do nộp: Nộp tiền rút từ TKNH về nhập quỹ

Số tiền: 2.000.000.000đ (Viết bằng chữ): Hai tỷ đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập phiếu</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	--------------------------------	--	---------------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): năm triệu đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

**Công ty Than Nam Mẫu-Viancomin**

**Mẫu số 03 - TT**

**Quang Trung-Uông Bí-Quảng Ninh**

*Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

*Ngày 20 tháng 12 năm 2012*

Kính gửi: Công ty Than Nam Mẫu-Vinacomin

Tên tôi là: Lê Thị Mơ

Địa chỉ: PX.Cơ điện lò

Đề nghị cho tạm ứng số tiền: 19.000.000 (viết bằng chữ): *Mười chín triệu đồng*

Lý do tạm ứng: *Tạm ứng tiền mua thiết bị lò tháng 12*

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phụ trách bộ phận

Người đề nghị tạm ứng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)



Đơn vị : Công ty than Nam Mẫu

Mẫu số: 02 - TT

Địa chỉ : Quang Trung-Uông bí-Quảng Ninh (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

Số: 692

Nợ TK 141

Có TK 111

Họ và tên người nhận tiền: Lê Thị Mơ

Địa chỉ: PX.Cơ điện lò

Lý do chi: Tạm ứng tiền mua thiết bị lò tháng 12

Số tiền: 19.000.000đ (Viết bằng chữ): Mười chín triệu đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc.

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên,  
đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ  
tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Đơn vị: Công ty Than Nam Mấu-Viancomin

**SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

Loại quỹ: VND

Năm 2012

Ngày tháng	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Số tiền		
	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
			<b>Tồn đầu tháng 12</b>			<b>926.397.400</b>
01/12	374		Thu tiền bồi hoàn nhiên liệu	876.000		927.273.400
.....						.....
<b>02/12</b>	<b>376</b>		<b>Thu hồi tiền tạm ứng đền bù giải phóng mặt đường</b>	<b>300.000.000</b>		<b>1.205.351.706</b>
.....						.....
<b>08/12</b>	<b>386</b>		<b>Nộp rút tiền từ TKNH về nhập quỹ</b>	<b>2.000.000.000</b>		<b>2.779.880.769</b>
.....						.....
<b>20/12</b>		<b>692</b>	<b>Tạm ứng tiền mua thiết bị lò T12 PX.Cơ giới</b>		<b>19.000.000</b>	<b>3.152.495.835</b>
.....						.....
			<b>Cộng phát sinh</b>	<b>16.186.638.824</b>	<b>11.225.696.224</b>	
			<b>Số dư cuối tháng 12</b>			<b>5.887.340.000</b>

Trích sổ quỹ năm 2012

Đơn vị: Công ty Than Nam Mãn-Vinacomin

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1**

**Ghi Có TK 111-Tiền mặt**

Tháng 12 năm 2012

TT	Ngày CT	Ghi có TK 111, ghi nợ các TK									
		1331	138	141	....	334	.....	338	627	642	Cộng có TK111
1	01/12					11.800.000				1.065.000	19.465.000
2	02/12	629.273		119.000.000						23.037.327	142.666.600
3	03/12	298.800		60.000.000		19.500.000				4.500.330	84.299.130
4	06/12	390.038		36.850.000		33.100.000		12.140.000	3.299.400	11.016.813	96.796.251
5	07/12	29.000.000				27.200.000		50.150.000	2.277.000	25.295.212	134.218.121
...											.....
<b>14</b>	<b>20/12</b>	<b>1.949.000</b>		<b>19.000.000</b>		<b>337.700.000</b>		<b>1.600.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>12.903.493</b>	<b>396.402.493</b>
15	21/12	359.000				60.000.000		20.150.000		10.915.568	167.216.618
...											.....
21	29/12	8.763.980	123.000	124.141.941		2.628.644.628		686.803.000	102.878.407	615.609.209	4.864.841.726
<b>Tổng cộng</b>		<b>22.370.272</b>	<b>842.026.846</b>	<b>1.127.760.330</b>	<b>.....</b>	<b>4.243.416.171</b>	<b>.....</b>	<b>1.830.405.000</b>	<b>166.906.356</b>	<b>1.957.520.121</b>	<b>11.225.696.224</b>

Đơn vị: Công ty Than Nam Mẫu-Vinacomin

**BẢNG KÊ SỐ 1**  
**Ghi Nợ TK 111-Tiền mặt**  
 Tháng 12 năm 2012

Số dư đầu tháng: 926.397.400

T T	Ngày	Ghi Nợ TK 111, ghi Có các TK								Số dư cuối ngày
		112	131	138	141	331	.....	353	Cộng nợ 111	
1	01/12			4.528.000					4.528.000	911.470.400
2	02/12				300.000.000				300.000.000	1.068.803.800
5	07/12			4.000.000					4.000.000	758.990.298
6	08/12	2.000.000.000	1.050.965	31.458.200					2.032.509.165	2.077.694.415
7	09/12			2.829.560				1.000.000	10.632.966	1.346.018.330
...										.....
23	31/12	5.000.000.000	1.981.162	7.888.935	105.327				9.975.424	5.877.340.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>9.434.886</b>	<b>69.361.684</b>	<b>348.601.028</b>	<b>6.097.660</b>	<b>.....</b>	<b>9.200.000</b>	<b>16.186.638.824</b>	

Số dư cuối tháng: 5.887.340.000

Đơn vị: Công ty Than Nam Mẫu-Vinacomin

**SỔ CÁI**  
**Tài khoản 111**  
**Năm 2012**

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
<b>4.336.337.400</b>	

Ghi có các TK đối ứng Nợ với các TK này	.....	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
112		5.000.000.000	4.000.000.000	15.000.000.000
131		16.211.864	35.221.545	9.434.886
138		10.913.356	17.467.693	69.361.684
141		-	8.141.893	348.601.028
311		-	-	-
331		-	-	6.097.660
333		-	200.000	93.503.566
338		922.402.500	169.200.000	650.440.000
353		-	-	9.200.000
<b>Cộng phát sinh : Nợ</b>		<b>5.949.527.720</b>	<b>4.230.231.131</b>	<b>16.186.638.824</b>
<b>Cộng Phát sinh : Có</b>		<b>5.202.295.520</b>	<b>4.486.996.531</b>	<b>11.225.696.224</b>
<b>Số dư cuối tháng : Nợ</b>		<b>1.183.162.800</b>	<b>926.397.400</b>	<b>5.887.340.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 Kế toán trưởng

Trích sổ cái năm 2012

**2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng:**

Tiền gửi ngân hàng phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng của công ty. Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Nếu đúng rồi thì kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để nhập số liệu vào máy tính.

**2.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan

**2.2.2.2. Tài khoản sử dụng:**

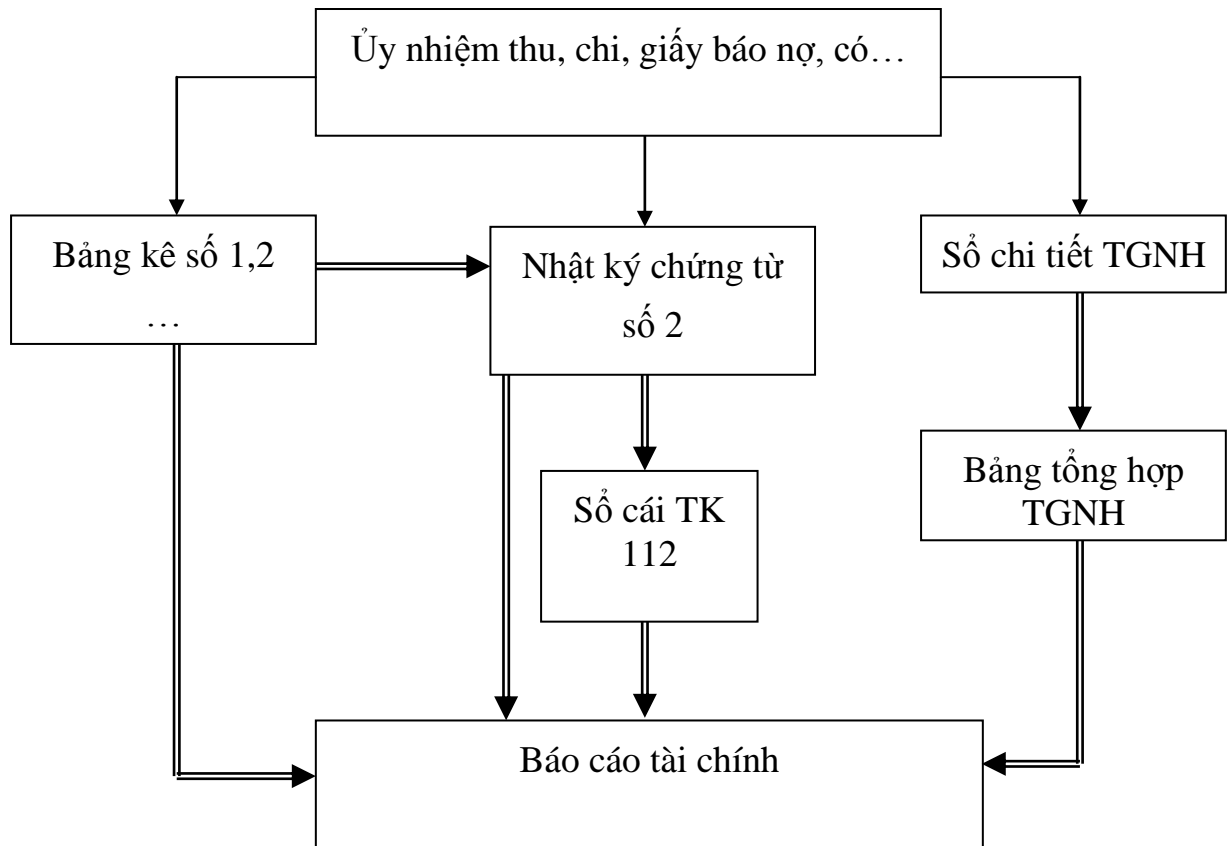
Kế toán sử dụng TK: 112 “**Tiền gửi ngân hàng**”

Tài khoản này dùng để phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi bằng đồng Việt Nam tại ngân hàng. Hiện nay, Công ty đang giao dịch với một số Ngân hàng có chi nhánh tại Quảng Ninh nên TK 112 không có tài khoản cấp 2.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng một số TK có liên quan như TK 141, TK 642, TK131...

**2.2.2.3. Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng:**

Quy trình hạch toán tiền gửi ngân hàng của Công ty Than Nam Mỗ-Viancomin theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- - - - -> Quan hệ đối chiếu

**2.2.2.4. Một số ví dụ minh họa:**

Ví dụ 4: Ngày 03/12, Công ty kho Vận đá bạc trả tiền than. Số tiền là 35.000.000.000 đồng

Kế toán định khoản: Nợ TK 112: 35.000.000.000

Có TK 131: 35.000.000.000

Từ giấy báo có của Ngân hàng, kế toán vào Bảng kê số 2, cuối tháng, vào sổ cái TK 112.

Ví dụ 5: Ngày 30/12, Công ty rút tiền từ Ngân hàng Công Thương về nhập quỹ tiền mặt. Số tiền là: 5.000.000.000 đồng.

Kế toán định khoản: Nợ TK 111: 5.000.000.000

Có TK 112: 5.000.000.000

Từ giấy báo nợ của Ngân hàng, kế toán vào nhật ký chứng từ số 2, cuối tháng số liệu từ Nhật ký chứng từ số 2 để vào sổ cái TK 112.

Ví dụ 6: Ngày 31/12, Công ty nhận được giấy báo có của Ngân hàng Công Thương thông báo về trả lãi tiền gửi ngân hàng, số tiền: 5.061.274 đồng.

Kế toán định khoản: Nợ TK 112: 5.061.274

Có TK 515: 5.061.274

Đồng thời Ngân hàng chuyển cho Công ty thông báo giao dịch, thông báo về số dư tài khoản. Căn cứ vào chứng từ giấy báo có và thông báo giao dịch, kế toán kiểm tra, đối chiếu với Ngân hàng để kiểm tra tính chính xác, hợp lý của số liệu, từ đó kế toán vào bảng kê số 2, cuối tháng số liệu trên bảng kê số 2 được dùng để ghi vào các nhật ký chứng từ có liên quan.



NGAN HANG VIETINBANK  
Chi nhánh: Uong Bi\_Quang Ninh

**GIAY BAO CO**  
ngày 03-12-2012 MA GDV:  
MA KH: 1156  
SO GD:

Kinh gọi: CONG TY THAN NAM MAU-VINACOMIN  
Ma so thue: : 5700591477

Hom nay, chung toi thong bao da bao CO tai khoan cua quy khách hàng voi  
noi dung nhu sau:

So tai khoan ghi CO: 21137519  
So tien bang so: 35.000.000.000  
So tien bang chu: BA MUOI LAM TY DONG CHAN.

Noi dung: CONG TY KHO VAN CHUYEN KHOAN THANH TOAN  
TIEN HANG.

Giao dich vien

Kiem soat

NGAN HANG VIETINBANK  
Chi nhánh: Uong Bi\_Quang Ninh

**GIAY BAO NO**

ngày 30-12-2012 MA GDV:

MA KH: 1156

SO GD:

Kinh gọi: CONG TY THAN NAM MAU-VINACOMIN

Ma so thue: : 5700591477

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi NO tại khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NO: 21137519

Số tiền bằng số: 5.000.000.000

Số tiền bằng chữ: NAM TY DONG CHAN

Nội dung: NGUYEN THI HOA RUT TIEN MAT.

Giao dịch viên

Kiểm soát

**GIẤY LĨNH TIỀN MẶT**

**Số tiền:** 5.000.000.000 VNĐ

Phí ngân hàng

**Số:** 50  
Ngày 30/12/2012

Phí trong

Phí ngoài

**Bằng chữ:** Năm tỷ đồng chẵn

**Nội dung:** Rút tiền từ tài khoản.

**Số TK:** 5700591477

**Tên tài khoản:** Công ty Than Nam Mầu

**Họ tên người lĩnh tiền mặt:** (nếu không phải là chủ tài khoản): Nguyễn Thị Hoa

**Số CMND:** 100643952

**Cấp ngày:** 27/07/2010

**Nơi cấp:** Công an Quảng Ninh.

**Địa chỉ:** Quang Trung-Uông Bí-Quảng Ninh

**Người ký lĩnh**

**Kế toán trưởng**

**Chủ tài khoản**

**Giao dịch viên.**

**Kiểm soát viên.**

NGAN HANG VIETINBANK

**GIAY BAO CO**

Chi nhánh: Uong Bi\_Quang Ninh

ngày 31-12-2012

MA GDV:

MA KH: 1156

SO GD:

Kinh gọi: CONG TY THAN NAM MAU-VINACOMIN

Ma so thue: : 5700591477

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã bảo CO tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CO: 21137519

Số tiền bằng số: 5.061.274

Số tiền bằng chữ: NAM TRIEU KHONG TRAM SAU MUOI MOT  
NGHIN HAI TRAM BAY MUOI TU DONG CHAN

Nội dung: CONG TY THAN NAM MAU NHAP LAI TU NGAY 1/12 DEN  
31/12

Giao dịch viên

Kiểm soát

**Đơn vị: Công ty Than Nam Mỗ-Vinacomin**

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2**

**Ghi Có TK 112-Tiền gửi Ngân Hàng**

Tháng 12 năm 2012

St t	Ngày	Ghi Có TK 112, ghi Nợ các TK								Cộng có TK 112
		111	...	133	138	152	153	241	.....	
1	02/12									310.203.731
2	03/12			770.000						8.544.941.000
3	06/12							320.500.000		320.500.000
4	07/12									21.478.711.650
5	08/12	2.000.000.000								5.991.788.400
6	09/12									17.579.180.415
7	10/12									4.847.517.123
8	13/12					197.051.000				959.790.000
...										.....
17	24/12	3.000.000.000								33.000.000.000
18	27/12				143.787.000					32.363.464.713
19	28/12	3.000.000.000								27.131.828.569
20	29/12				8.414.245					3.436.018.782
<b>21</b>	<b>30/12</b>	<b>5.000.000.000</b>								<b>93.323.881.278</b>
22	31/12			7.436.431	3.500.000			16.395.690.120		49.266.514.014
<b>Tổng cộng</b>		<b>15.000.000.000</b>	<b>...</b>	<b>44.770.522</b>	<b>155.716.245</b>	<b>365.541.000</b>	<b>18.600.000</b>	<b>16.716.190.120</b>	<b>.....</b>	<b>358.542.217.110</b>

Đơn vị: Công ty Than Nam Mẫu-Vinacomin

**BẢNG KÊ SỐ 2**  
**Ghi nợ TK 112-Tiền gửi ngân hàng**  
 Tháng 12 năm 2012

**Số dư đầu tháng: 30.344.098.700**

TT	Ngày	Ghi Nợ TK 112, ghi Có các TK								Số dư cuối ngày	
		112	131	138	341	.....	515	711	Cộng nợ 112		
1	02/12									-	30.033.894.969
2	03/12	3.000.000.000	35.000.000.000	180.000.000						38.180.000,000	59.669.403.969
.....											.....
17	23/12		25.000.000.000							25.000.000.000	150.920.486.430
20	28/12	8.000.000.000								8.000.000.000	98.986.855.959
21	29/12		50.474.513.600	698.454.545	68.692.913.286					126.850.426.886	222.401.264.063
....											.....
23	31/12		46.499.376				5.061.274	2.306.931		229.882.744	100.040.751.515
<b>Tổng cộng</b>		<b>79.400.274.450</b>	<b>180.529.212.569</b>	<b>1.078.454.545</b>	<b>160.050.499.538</b>	<b>.....</b>	<b>181.076.437</b>	<b>2.306.931</b>	<b>428.238.869.925</b>		

**Số dư cuối tháng: 100.040.751.515**

Đơn vị: Công ty Than Nam Mẫu-Vinacomin

**SỔ CÁI**  
**Tài khoản 112**  
**Năm 2012**

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
<b>30.344.098.700</b>	

Ghi có các TK đối ứng Nợ với các TK này	.....	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
112		21.000.000.000	46.000.000.000	79.400.274.450
131		135.256.206.226	155.023.576.941	180.529.212.569
138		-	100.000.000	1.078.454.545
311		89.321.559.109	-	-
331		-	3.652.280	-
3388		291.330.502	-	-
341		-	39.833.861.214	160.050.499.538
411		-	-	-
353		12.000.000	77.000.000	12.500.000
515		107.556.327	131.475.904	181.076.437
711		-	-	2.306.931
461		-	-	6.984.545.455
<b>Cộng phát sinh : Nợ</b>	<b>.....</b>	<b>245.988.652.164</b>	<b>241.169.566.339</b>	<b>428.238.869.925</b>
<b>Cộng Phát sinh : Có</b>	<b>.....</b>	<b>216.688.335.527</b>	<b>285.453.607.220</b>	<b>358.542.217.110</b>
<b>Số dư cuối tháng : Nợ</b>	<b>.....</b>	<b>74.628.139.581</b>	<b>30.344.098.700</b>	<b>100.040.751.515</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kế toán trưởng**

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH 1TV THAN NAM MẪU-VINACOMIN

### 3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Than Nam Mẫu-Vinacomin:

Công ty Than Nam Mẫu là đơn vị trực thuộc Công ty Than Uông Bí, là một thành viên của Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam được thành lập ngày 01/04/1999 theo quyết định số 502/QĐ-TCCB-ĐT ngày 23/3/1999, Công ty Than Nam Mẫu là một doanh nghiệp hạch toán độc lập trong Tập đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam. Ngày đầu thành lập Công ty gặp rất nhiều khó khăn như: Cơ sở vật chất thiếu thốn sơ khai, tài chính chủ yếu là nguồn vốn vay Ngân hàng, khấu hao và lãi vay chiếm tỷ lệ cao trong giá thành (60.852 đ/tấn than nguyên khai). Bằng sự đoàn kết, quyết tâm lao động sản xuất của tập thể cán bộ công nhân viên dưới sự chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và sự hỗ trợ, phối hợp của các đơn vị bạn trong Tập đoàn, Công ty đã vừa ổn định tổ chức, vừa khắc phục khó khăn, thiếu thốn, tập trung đầu tư áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến và sản xuất nên đã thu được nhiều thành tích trong sản xuất kinh doanh, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ công nhân viên, xây dựng Công ty phát triển với sự tăng trưởng toàn diện.

Một doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trong điều kiện cạnh tranh của nền kinh tế thị trường phải biết quan tâm đến công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp mình. Hạch toán kế toán với bản chất là hệ thống thông tin, kiểm tra tình hình biến động tài sản của doanh nghiệp với chức năng thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm, đặc biệt là các nhà quản lý doanh nghiệp.

Qua thời gian nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại Công ty Than Nam Mẫu-Vianacomin, em thấy công tác kế toán nói chung và hạch toán kế toán



vốn bằng tiền nói riêng được tổ chức tương đối phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty trong giai đoạn hiện nay, sau đây là một số ưu điểm và nhược điểm:

### **3.1.1. Ưu điểm về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty:**

\* Về tổ chức bộ máy kế toán:

+ Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty hợp lý, công tác kế toán được thực hiện đúng theo các chế độ kế toán và chế độ quản lý hiện hành, trình tự luân chuyển chứng từ khoa học, hợp lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo thuận tiện cho kế toán khi đối chiếu cũng như khi kiểm tra số liệu, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Vốn bằng tiền được quản lý chặt chẽ, thông tin kịp thời chính xác các nghiệp vụ thu, chi, tồn quỹ vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của BTC ban hành.

+ Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao, thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng khéo léo và nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực tế tại công ty, biết áp dụng những phương thức hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt hiệu quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu luôn chính xác.

\* Về hạch toán kế toán:

+ Về chứng từ kế toán: Các thủ tục chứng từ liên quan đến việc hạch toán Vốn bằng tiền được thực hiện đầy đủ. Từ những công việc hạch toán ban đầu đến việc kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ được tiến hành một cách khá cẩn thận, đảm bảo số liệu phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi Vốn bằng tiền, kế toán Vốn bằng tiền tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được lưu trữ và đóng quyển theo thứ tự để thuận lợi cho việc kiểm tra, thanh tra. Tổ chức hệ thống BCTC và Báo cáo thống kê nội bộ đầy đủ kịp thời để lãnh đạo nắm bắt tình hình nhanh chóng.

+ Về sổ sách kế toán: Sổ sách kế toán được lập ghi chép rõ ràng, rành mạch. Việc lưu trữ thông tin và lập sổ sách đã được thực hiện trên máy vi tính và chỉ in ra với sự lựa chọn đối với sổ sách cần thiết phục vụ cho sản xuất, kinh doanh, quản lý. Nên doanh nghiệp đã trực tiếp giảm được một phần chi phí, đồng thời giảm được số lượng các chứng từ và sổ lưu trữ ở kho. Kế toán tổng hợp đã mở đầy đủ các sổ sách cần thiết để theo dõi tình hình thu chi của tiền mặt (TK 111), tiền gửi ngân hàng (TK 112) như: Sổ quỹ tiền mặt, bảng kê, nhật ký chứng từ, Sổ cái các TK 111, TK112. Điều đó được thể hiện trong việc tổ chức hạch toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Các số liệu trên sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.

+ Về hệ thống tài khoản áp dụng: Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của Vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định và đã được chi tiết tối đa cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép Ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của Vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

\* Về tổ chức kế toán vốn bằng tiền:

+ Hệ thống chứng từ kế toán: việc quản lý chứng từ về các khoản thu, chi đảm bảo đúng nguyên tắc.

+ Công tác kế toán vốn bằng tiền: việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tiến hành đầy đủ và kịp thời. Cuối mỗi quý thực hiện việc kiểm tra quỹ và đối chiếu số dư nhằm hạn chế sai sót, hạn chế việc gian lận trong quản lý tiền mặt.

+ Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt vì vậy quá trình quản lý vốn bằng tiền tại Công ty rất chặt chẽ:

+ Tiền mặt được để trong két an toàn, chống mất trộm, chống cháy, đảm bảo tính an toàn cao.

+ Mọi biến động về vốn bằng tiền được làm đầy đủ thủ tục và có chứng từ hợp lý, hợp pháp, hợp lệ.

+ Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền được sử dụng đúng mục đích, đúng

chế độ.

+ Kế toán tiến hành quản lý một cách chặt chẽ tiền mặt tại quỹ, thường xuyên kiểm tra tài khoản ngân hàng, liên hệ chặt chẽ, theo dõi các chứng từ liên quan đến tiền gửi Ngân hàng, vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ theo mẫu của BTC ban hành.

Lãnh đạo cùng với kế toán trưởng luôn giám sát chặt chẽ tình hình thu, chi tiền mặt, quản lý tiền gửi Ngân hàng, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi phương pháp tính toán khoa học và hợp lý, rõ ràng các chỉ tiêu kinh tế, đáp ứng tính liên tục hiệu quả cao cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Như vậy, với việc tổ chức công tác vốn bằng tiền đã đáp ứng được nhu cầu của Công ty đã đề ra là: đảm bảo tính thống nhất về mặt phạm vi phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo các số liệu kế toán luôn trung thực, hợp lý, rõ ràng.

\* Về đội ngũ cán bộ công nhân viên:

Tại Công ty, ban lãnh đạo rất thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ kế toán nhằm nâng cao bộ máy kế toán, tạo nên bộ máy hoàn chỉnh thực hiện tốt nhất công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Nhờ chiến lược đó, mà Công ty đã có một đội ngũ cán bộ kế toán có năng lực, trình độ với tinh thần trách nhiệm cao.

### ***3.1.2. Hạn chế trong công tác kế toán vốn bằng tiền:***

Bên cạnh những ưu điểm trên, tại Công ty than Nam Mẫu-Vinacomin vẫn còn tồn tại những hạn chế do những yếu tố chủ quan và khách quan nhất định tác động bên trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng.

+ Về việc kiểm kê quỹ: Công ty cần phải tiến hành việc kiểm kê quỹ định kỳ vào ngày cuối hàng tháng, hàng quý và cuối năm hoặc khi cần thiết có thể kiểm kê đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Việc kiểm kê quỹ cần thực hiện cho từng loại tiền trong quỹ của doanh nghiệp để biết số tiền thực tế có trong quỹ và số tiền ghi trên sổ tại thời điểm kiểm kê.

Do đơn vị chưa có một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một kế hoạch thanh toán tiền công nợ thống nhất nên dẫn đến tình trạng số tiền mặt có tại quỹ của đơn vị không ổn định, có lúc quá ít lúc lại quá nhiều, điều này gây khó khăn cho Công ty trong việc chi tiêu tiền mặt phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc gây ứ đọng vốn là vòng quay vốn bị chậm lại.

+ Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính. Việc luân chuyển chứng từ trong công ty chưa có một quy định cụ thể, không có sổ sách giao nhận, lại do đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty nơi sản xuất khai thác rất xa so với trụ sở của Công ty nên việc tập hợp số liệu, chứng từ sổ sách còn chậm chạp, dễ gây mất mát dẫn đến việc chậm trễ trong việc ra quyết định đối với các nhà quản lý.

+ Hiện nay công ty sử dụng máy tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng vẫn chỉ là thực hiện trên phần mềm: Word, Excel chứ chưa có một phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên công ty vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập, ghi chép, tổng hợp số liệu, ...

### **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Viancomin:**

Là sinh viên thực tập tại công ty, được sự giúp đỡ của các thầy cô và các anh chị nhân viên trong phòng kế toán, em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa tổ chức công tác kế toán Vốn bằng tiền tại Công ty.

#### **3.2.1. Hoàn thiện công tác quản lý và kiểm kê tiền mặt:**

Để khắc phục nhược điểm đã nêu trên: theo em Công ty nên xây dựng một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể trong từng kỳ hạch toán căn cứ vào kế hoạch thu chi tiền mặt trong kỳ. Định mức này có thể được xê dịch trong kỳ hạch toán, nhưng không được phép tăng quá cao hoặc quá thấp gây tình trạng bất ổn trong quỹ tiền mặt. Bên cạnh đó công ty cũng cần lập kế hoạch thu hồi và thanh toán công nợ sao cho số tiền sẽ phải trả nợ cũng như số tiền nợ sẽ thu hồi cân đối nhau, đảm bảo được nhu cầu thu – chi tiền mặt của công ty.

Kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với Sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập ban kiểm kê, trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi Sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Mọi khoản chênh lệch phải báo cáo Giám đốc xem xét.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ Ban kiểm kê quỹ phải lập Bảng kiểm kê quỹ thành hai bản:

- + Một bản lưu ở thủ quỹ
- + Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán

Bản kiểm kê quỹ có thể được lập theo mẫu sau:

Đơn vị : .....

Bộ phận : .....

## BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VND)

Hôm nay, vào ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

Chúng tôi gồm:

Số: .....

- Ông/Bà: ..... Đại diện kế toán

- Ông/Bà: ..... Đại diện thủ quỹ

- Ông/Bà: ..... Đại diện .....

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x	...
II	Số kiểm kê thực tế	x	...
1	Trong đó: -Loại		
2	-Loại		
3	-Loại		
4	-Loại		
5	.....		
III	Chênh lệch(II-I):	x	...

- Lý do:

+ Thừa: .....

+ Thiếu: .....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ: .....

**Kế toán trưởng**

**Thủ quỹ**

**Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

### **3.2.2. Hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty:**

Để đạt được hiệu quả cao trong công tác kế toán cũng như tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, công ty nên áp dụng hiện đại hóa công tác kế toán tại Công ty bằng việc triển khai sử dụng các phần mềm kế toán chuyên dụng cho tổ chức kế toán hiện nay.

Tuy nhiên, để chọn được một phần mềm kế toán sao cho phù hợp với quy mô và mục đích cũng như nhu cầu hiện tại của là rất quan trọng. Vì vậy, khi chọn lựa phần mềm kế toán điều đầu tiên là các doanh nghiệp cần phải cân nhắc lựa chọn xem phần mềm có phù hợp với doanh nghiệp hay không. Mặt khác do sản phẩm phần mềm kế toán là một phần mềm trừu tượng không thể kiểm định ngay nên đa số các doanh nghiệp thường lựa chọn thông qua giới thiệu hoặc dựa vào thương hiệu uy tín của sản phẩm trên thị trường.

Thực tế các doanh nghiệp thường khá lúng túng khi muốn tiếp cận và sử dụng một phần mềm kế toán cụ thể. Bởi lẽ, các phần mềm kế toán được thiết lập trên quy mô hơn là theo từng ngành nghề cụ thể. Ngoài ra, xuất phát từ phần mềm kế toán phải theo một chuẩn mực kế toán và quy định của Bộ tài chính nên đa số các phần mềm kế toán hiện nay không khác nhau nhiều.

Ngày nay trên thế giới cũng như ở Việt nam có nhiều chương trình kế toán khác nhau, mỗi chương đều có những đặc trưng riêng, ưu nhược điểm riêng của mình. Mặc dù vậy mỗi chương trình kế toán đều thực hiện được những chức năng cơ bản sau:

- + Cho phép xác định các tệp dữ liệu như xác định danh mục các TK, cấu trúc các chứng từ, danh mục các đối tượng pháp nhân liên quan đến công tác hạch toán, danh mục hàng hóa, sản phẩm, nguyên vật liệu.
- + Cho phép nhập các dữ liệu cố định và dữ liệu phát sinh của chu kỳ kế toán
- + Cho phép tìm, sửa chữa, bổ xung hoặc loại bỏ những thông tin cần thiết
- + Cho phép tính toán, tập hợp, điều chỉnh, phân bổ các chi phí vào các TK khác nhau theo công tác kế toán.
- + Cho phép in các báo cáo kế toán khi cần thiết.
- + Cho phép sao lưu kết quả và kết chuyển số dư sang chu kỳ kế toán mới.

Việc tách riêng kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết thông qua chương trình kế toán sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc so sánh, kiểm tra số liệu. Nếu nhân viên kế toán vào NKCT và các bảng kê bị nhầm lẫn thì có thể tìm kiếm, sửa chữa lại số liệu, tài khoản một cách nhanh chóng.

Dù vậy, mỗi nhà cung cấp đều cố gắng đưa ra những sản phẩm tốt nhất hướng tới những đối tượng riêng. Dưới đây là một số thông tin về các phần mềm kế toán hiện hành được sử dụng rộng rãi và nhận được rất nhiều sự hài lòng từ người sử dụng với các tiện ích tiêu biểu như: giá thành rẻ, có tính ổn định, dễ dàng trong việc nâng cấp, sử dụng, cập nhật... Một số phần mềm kế toán hiệu quả như: phần mềm kế toán Misa, phần mềm Bravo, Fast... Công ty than Nam Mẫu có thể tham khảo và từ đó có thể đưa ra những quyết định đúng đắn cho riêng mình.

+ **Phần mềm kế toán FAST:**

Phần mềm kế toán fast: công ty phần mềm kế toán Fast đưa ra 4 phiên bản gồm:

+ **Fast accounting:** mỗi năm phần mềm này được nâng cấp với phiên bản mới từ đó đưa ra những tính năng và tiện ích mới. Fast accounting có tính mềm dẻo, khả năng bảo mật, có thể chạy trên nhiều mạng. Ngoài ra phần mềm có tính đa tác vụ, tự động hóa xử lý số liệu, hỗ trợ tiện ích lập báo cáo...

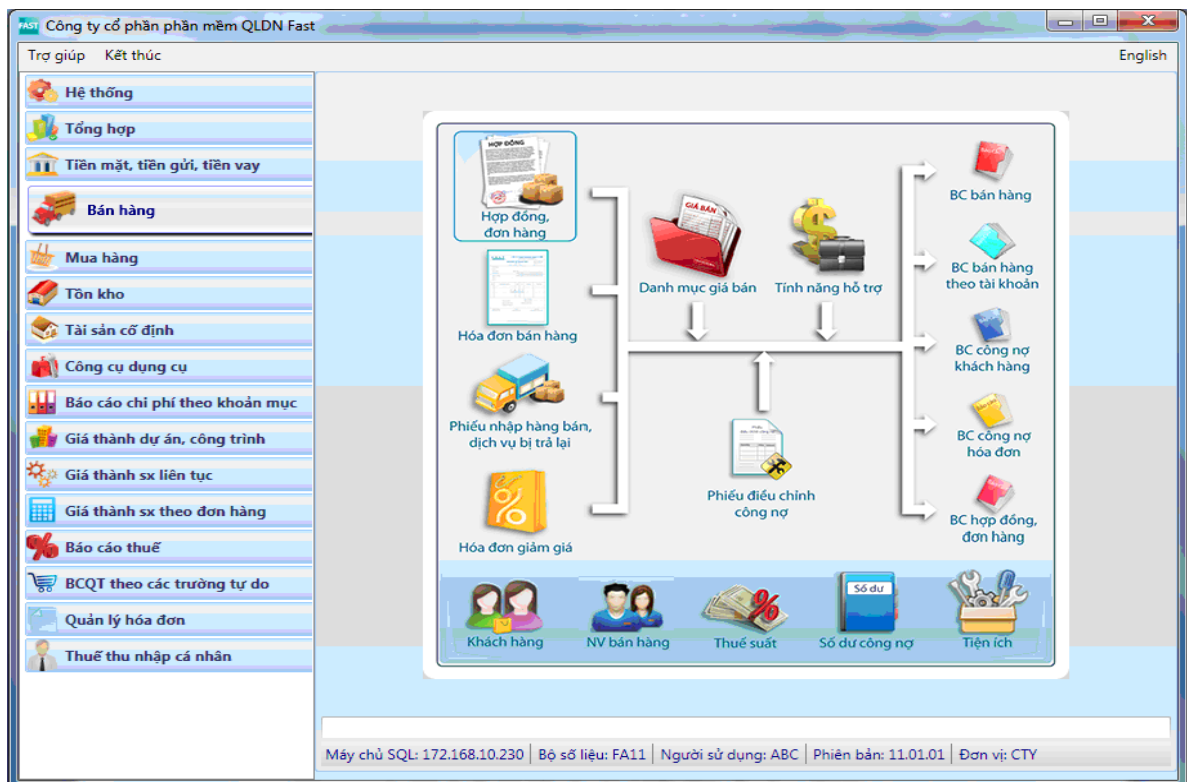
Đây là sản phẩm được sử dụng rộng rãi, được lựa chọn nhiều và đa số đều chọn giải pháp chọn gói.

Phần mềm kế toán Fast Accounting có 16 phân hệ:

1. Hệ thống
2. Kế toán tổng hợp
3. Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
4. Kế toán bán hàng và công nợ phải thu
5. Kế toán mua hàng và công nợ phải trả
6. Kế toán hàng tồn kho
7. Kế toán TSCĐ
8. Kế toán CCLĐ



9. Báo cáo chi phí theo khoản mục
10. Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp
11. Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
12. Kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng
13. Báo cáo thuế
14. Báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa
15. Quản lý hóa đơn
16. Thuế thu nhập cá nhân



+ **Fast business**: là phần mềm áp dụng cho doanh nghiệp vừa, ứng dụng nghiệp vụ trong phòng kế toán, vừa mở rộng quản lý trong toàn doanh nghiệp, phục vụ tất cả các phòng ban.

Fast business bao gồm Fast Financial: bộ chương trình về quản lý tài chính kế toán; Fast Distribution: bộ chương trình về mua bán hàng, quản lý hàng tồn kho; Fast Manufacturing: bộ chương trình về quản lý sản xuất, lập kế hoạch nguyên vật liệu; Fast HRM: quản lý nhân sự; Fast CRM: chương trình về quản lý khách hàng.

Fast business là phần mềm có nhiều tính năng nhất, đáp ứng yêu cầu kế toán

phức tạp. Tuy nhiên, trong thời buổi khó khăn hiện nay, doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư ứng dụng ERP vì thế việc tiêu thụ phần mềm này ít nhiều bị ảnh hưởng.

+ **Fast accounting S**: là phần mềm kế toán kết hợp giữa Fast accounting và Fast Business. Phần mềm này dự báo sẽ bán chạy trong tương lai do có đầy đủ các tính năng, lại sử dụng kỹ thuật và công nghệ cao của Fast business. Đặc biệt giá thành lại không chênh lệch bao nhiêu so với phần mềm Fast accounting.

+ **Fast Book**: ra đời từ năm 2007, phần mềm này có 11 phân hệ như quản trị hệ thống, kế toán tổng hợp...Fast book được thiết kế đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn theo chuẩn mực của Bộ tài chính nhằm phục vụ cho doanh nghiệp mới khởi nghiệp và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Như vậy, FAST đã tạo ra nhiều dòng sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu đa dạng của khách hàng. Tính đến nay đã có hơn 2600 doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán FAST.

Giá báo: 6.000.000 đ đến 12.000.000 đ.

+ **Phần mềm quản trị-tài chính-kế toán BRAVO:**

Không quảng cáo rầm rộ, phần mềm cũng không tham gia các chương trình tranh tài về giải thưởng của các phần mềm kế toán nhưng phần mềm kế toán Bravo lại nằm trong vị trí cao nhất trong top các phần mềm kế toán được đánh giá cao nhất.

Theo nhận xét của những người trong ngành, phần mềm kế toán Bravo có rất nhiều các tính năng vượt trội như:

+ Phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp triển khai hiệu quả các phần hành thuộc nghiệp vụ kế toán như theo dõi sổ sách, theo dõi việc thu, chi, mua bán hàng hóa, quản lý tài sản và hàng tồn kho, tính giá thành sản phẩm...Đặc biệt, phần mềm kế toán Bravo cho phép liên kết các dữ liệu, có chức năng tìm và sửa chữa các dữ liệu...

+ Bravo là một trong số ít các nhà cung cấp theo hướng customize tức là phần mềm được hiệu chỉnh tự do. Vì thế, từ phần mềm cơ bản sẽ tùy theo nhu

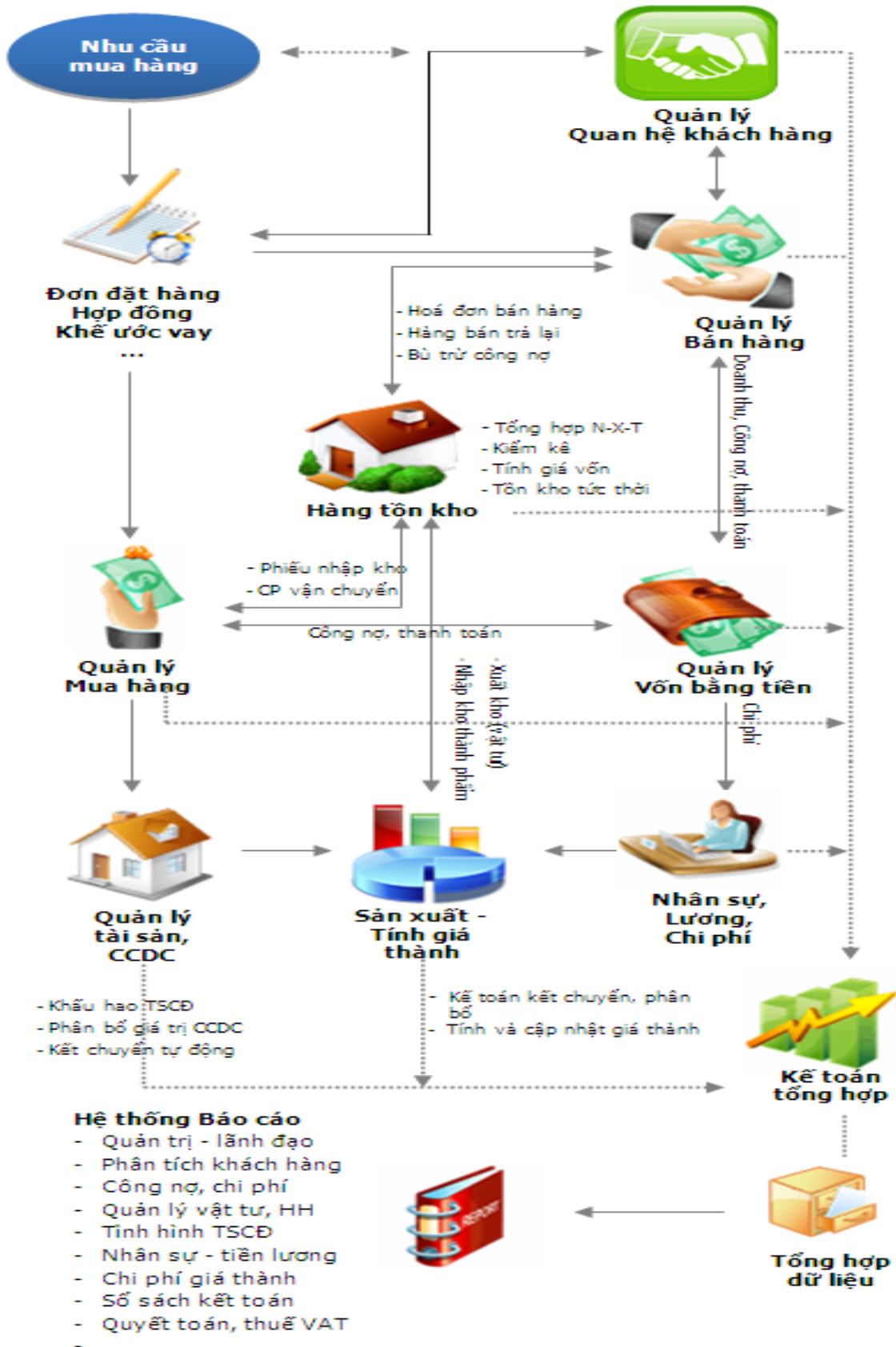
câu của doanh nghiệp mà điều chỉnh thêm.

+ Tuy nhiên, ưu điểm nổi bật của Bravo chính là giao diện đẹp, dễ sử dụng, dễ cài đặt vận hành, có phân hệ tính giá thành rất ưu việt so với các phần mềm kế toán khác. Ngoài ra phần mềm còn cho phép chạy mạng đa người dùng như mạng Lan, mạng Wan... bảo mật và phân quyền chi tiết.

Rõ ràng phần mềm kế toán Bravo đã thỏa mãn phần nào nhu cầu của người sử dụng. Trong tương lai, nhà cung cấp Bravo sẽ ngày càng nâng cao chất lượng sản phẩm.

Giá báo: 10.000.000 đ đến 20.000.000 đ.

Sơ đồ tổng quan phần mềm BRAVO



Phần mềm BRAVO được modulate hoá nhằm xử lý và liên kết các công việc ở những quy trình quản lý SXKD của doanh nghiệp, đồng thời bảo đảm tính khả biến không những chỉ phù hợp với hiện tại mà còn đơn đầu được tương lai.

**- Phần mềm kế toán MISA-SME.NET 2012:**

Trong số những phần mềm kế toán thông dụng nhất hiện nay, không thể không nhắc đến phần mềm Misa-SME.NET 2012. Đây là giải pháp kế toán cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với 11 phân hệ. Mỗi phân hệ là một phần hành kế toán tại các đơn vị như mua bán hàng, quản lý kho, sổ cái ...

Misa cũng đã đưa ra nhiều gói sản phẩm khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu các doanh nghiệp như:

- + *Gói Express* cho doanh nghiệp mới thành lập;
- + *Gói thuê GPSD* phù hợp với các cá nhân và đơn vị làm kế toán thuê, sử dụng phần mềm kế toán trong thời gian ngắn;
- + *Gói Standard* cho doanh nghiệp thương mại đơn giản, nhu cầu quản trị không quá phức tạp; Doanh nghiệp có thể lựa chọn 8-11 phân hệ để hoạch toán các nghiệp vụ kế toán của mình
- + *Gói Professional*: phù hợp với doanh nghiệp có yêu cầu quản trị cao hơn và mô hình hoạt động tương đối lớn; Doanh nghiệp có thể lựa chọn 10-11 phân hệ để triển khai các nghiệp vụ
- + *Gói Enterprise*: dành cho mọi doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực; Toàn 11 phân hệ của phần mềm sẽ đáp ứng nhu cầu kế toán mà doanh nghiệp cần

Ngoài ra, sở dĩ người tiêu dùng tỏ ra ưa chuộng phần mềm kế toán Misa còn vì giá cả các sản phẩm này khá bình dân. Chẳng hạn, miễn phí cho gói Express, 1 triệu đồng/năm cho gói thuê GPSD, từ 3-12 triệu đồng cho các gói sản phẩm khác.

Phần mềm kế toán Misa có các ưu và nhược điểm sau:

Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đang dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.
- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị

được thao tác trên 01 CSDL độc lập.

- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.

- Tính chính xác: số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữa nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà SX chú ý phát triển.

- Các báo cáo khi kết xuất ra excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

Giá báo: 9.950.000đ



Là một doanh nghiệp sản xuất với quy mô theo em Công ty Than Nam Mẫu-Vinacomin nên sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting cho công tác kế toán trong thời gian tới để đạt hiệu quả cao trong công việc bởi những lý do sau:

- + Đơn giản, dễ sử dụng, dễ dàng cài đặt
- + Có đầy đủ các tính năng, gồm 16 phân hệ có tính năng đa tác vụ, tự động hóa xử lý số liệu, tiện ích nhập số liệu, tốc độ lập báo cáo nhanh.
- + Liên tục cập nhật dữ liệu mới vào chương trình
- + Hình ảnh giao diện thân thiện.

### 3.2.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:

Để việc luân chuyển chứng từ được nhanh chóng và tránh mất mát Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ qua các phòng, các bộ phận và bắt buộc có chữ ký của các bên. Đồng thời nâng cao trách nhiệm trong việc bảo quản chứng từ. Sổ giao nhận chứng từ có thể theo mẫu sau:

## SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày.....Đến ngày.....

Ngày, tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

### 3.2.4. Một số giải pháp khác:

Bên cạnh những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền, Công ty cần quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo, bồi dưỡng cũng như nâng cao trình độ của nhân viên kế toán đáp ứng chất lượng quản lý và công tác kế toán. Ngoài ra, em cũng xin đưa ra thêm một số ý kiến đóng góp về quản lý, cũng như tổ chức phương thức hạch toán tại Công ty:

Thường xuyên củng cố bộ máy quản lý của Công ty sao cho gọn nhẹ mà vẫn đạt hiệu quả cao nhất, tổ chức phân công rõ ràng công việc cụ thể của mỗi phòng ban cũng như từng nhân viên trong Công ty để tránh tình trạng người làm, kẻ chơi.

Đổi mới đầu tư các trang thiết bị, máy móc hiện đại cho việc sản xuất của Công ty, từ đó luôn hoàn thành sản lượng than mà Công ty được giao phó từ trên Tập đoàn.

Trong điều kiện nào đó, Công ty có thể chiếm dụng vốn một cách hợp lý, hợp pháp có hiệu quả đối với các nhà cung cấp bằng cách khất nợ không phải thanh toán ngay. Vì vậy, Công ty cần phải tạo uy tín, có mối quan hệ thường xuyên với khách hàng và tạo điều kiện thanh toán nợ đúng hạn.

Nhìn chung, với hình thức kế toán “Nhật ký chứng từ” và những phương hướng hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng mà em đã mạnh dạn đưa ra, công tác kế toán được coi là gọn nhẹ, dễ hiểu nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả và chất lượng. Với phương pháp làm việc và tiếp cận với các phương tiện hiện đại, sử dụng phần mềm kế toán sẽ giúp cho công tác kế toán đạt hiệu quả cao hơn.



## KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập, kết hợp với nghiên cứu lý luận và thực tiễn, em nhận thấy công tác kế toán vốn bằng tiền vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao.

Để kế toán phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh tế thông qua việc phản ánh và giám đốc một cách chặt chẽ, toàn vẹn tài sản tiền vốn của công ty ở mọi khâu của quá trình tái sản xuất nhằm cung cấp các thông tin chính xác và hợp lý phục vụ cho việc lãnh đạo hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán của công ty là một tất yếu, nhất là trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Vốn bằng tiền đã trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu đối với mọi doanh nghiệp cũng như các nhà quản lý thì việc hạch toán vốn bằng tiền đòi hỏi cũng phải được kiện toàn.

Do hạn chế về hiểu biết lý luận và thực tiễn, hơn nữa thời gian thực tập tại Công ty có hạn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi sai sót và hạn chế. Em rất mong có được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán Công ty TNHH 1TV Than Nam Mẫu-Vinacomin.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo *Thạc Sĩ: Nguyễn Thị Mai Linh* đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn em nghiên cứu và trình bày chuyên đề này. Em cũng xin chân thành cảm ơn các cán bộ nhân viên Phòng kế toán nói riêng và các cán bộ phòng ban khác của Công ty nói chung đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài viết này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp – NXB Thống Kê năm 2010.  
Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán  
Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ, tài khoản kế toán
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. Các thông tư hướng dẫn về việc thực hiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam
4. Giáo trình kế toán tài chính
5. Số liệu phòng kế toán – Công ty Than Nam Mẫu-Vinacomin
6. Website: [www.fast.com.vn](http://www.fast.com.vn)  
[www.bravo.com.vn](http://www.bravo.com.vn)  
[www.misa.com.vn](http://www.misa.com.vn)